

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN
TRUNG**

Giảng viên hướng dẫn : Ths. Phạm Minh Phương
Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Thu Hà
Mã số sinh viên : 2254010079
Khoá : 2022 – 2026
Lớp : 22KH2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN
TRUNG**

Giảng viên hướng dẫn : Ths. Phạm Minh Phương
Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Thu Hà
Mã số sinh viên : 2254010079
Khoá : 2022 – 2026
Lớp : 22KH2

Đà Nẵng, tháng 6 năm 2026

MỤC LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ	4
LỜI CẢM ƠN	8
PHẦN MỞ ĐẦU	9
1. Lý do chọn đề tài	9
2. Mục tiêu nghiên cứu	9
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	9
4. Phương pháp nghiên cứu	9
5. Cấu trúc đề tài	9
CHƯƠNG 1	1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	1
1.1. Đặc điểm chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.....	1
1.1.1. Khái niệm về doanh thu chi phí và kết quả kinh doanh.....	1
1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh...	2
1.1.3. Ý nghĩa của doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	2
1.2. Kế toán doanh thu, thu nhập	3
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu	3
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	9
1.2.3.1 Nội dung.....	9
1.2.3.2. Chứng từ sử dụng.....	10
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng.....	10
1.2.3.4. Trình tự hạch toán.....	11
1.2.4. Kế toán thu nhập khác	12
1.2.4.1. Nội dung	12
1.2.4.2. Chứng từ sử dụng.....	12
1.2.4.3. Tài khoản sử dụng.....	12
1.2.4.4. Trình tự hạch toán.....	13
1.3. Kế toán các khoản chi phí	14
1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	14
1.3.1.1. Khái niệm giá vốn hàng bán.....	14

1.3.1.2. Phương pháp tính giá xuất kho	14
1.3.1.3. Chứng từ sử dụng.....	15
1.3.1.4. Tài khoản sử dụng.....	16
1.3.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	18
1.3.2.1. Chứng từ sử dụng.....	19
1.3.2.2. Tài khoản sử dụng.....	19
.....	20
1.3.3. Kế toán chi phí tài chính	21
1.3.3.1. Nội dung.....	21
1.3.3.2. Chứng từ sử dụng.....	21
1.3.3.3. Tài khoản sử dụng.....	21
1.3.4. Kế toán chi phí khác	23
1.3.4.1. Nội dung.....	23
1.3.4.2. Chứng từ sử dụng.....	23
1.3.4.3. Tài khoản sử dụng.....	23
1.3.4.4. Trình tự hạch toán.....	24
1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung	24
1.4.1. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	24
1.4.1.2 Chứng từ sử dụng.....	25
1.4.1.3 Tài khoản sử dụng.....	25
1.4.1.4. Trình tự hạch toán.....	26
1.4.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	27
1.4.2.1. Khái niệm xác định kết quả kinh doanh.....	27
1.4.2.2. Tài khoản sử dụng.....	28
1.4.2.3. Chứng từ sử dụng.....	28
1.4.2.4. Trình tự hạch toán.....	28
CHƯƠNG 2	30
THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRUNG	30
2.1. Tổng quan về công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung	30

2.1.1.1. Giới thiệu về công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung.....	30
2.1.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung	30
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung	31
2.1.2.1 Sơ đồ tổ chức quản lí	31
2.1.2.2 Chức năng của các bộ phận.....	31
2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung	32
2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán	32
2.1.3.2. Chức năng và nhiệm vụ của kế toán.....	32
2.1.3.3. Chế độ chính sách kế toán tại công ty	33
2.1.3.4. Hình thức sổ kế toán tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung.....	33
2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung.....	37
2.2.1. Kế toán doanh thu, thu nhập tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung.....	37
2.2.1.1. Đặc điểm hoạt động tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung.....	37
2.2.1.2. Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung.....	38
2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung	48
2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác tại công ty TNHH Quang Minh HD Miền Trung ...	53
2.2.2. Kế toán các khoản chi phí tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung	53
2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung.....	53
2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính tại công ty TNHH Đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung.....	59
2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung	59

2.2.2.4. Kế toán chi phí khác tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung.....	68
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung	72
2.2.3.1. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung.....	72
2.2.3.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung	77
CHƯƠNG 3	83
NHẬN XÉT, HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRUNG.....	83
3.1. Đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung	83
3.3.1. Ưu điểm.....	83
3.1.2. Hạn chế.....	84
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung ...	84

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: sơ đồ hạch toán TK 511 theo phương thức bán buôn và bán lẻ	7
Sơ đồ 1.2: sơ đồ hạch toán TK 511 bán hàng theo phương thức trả trậm trả góp.....	8
Sơ đồ 1.3. sơ đồ hạch toán TK 511 doanh nghiệp giao đại lý, ký gửi.....	8
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán TK 511 các khoản giảm trừ doanh thu	9
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí liên quan	9
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán TK 515	11
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác	13
Sơ đồ 1.8 : Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	17
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ..	18
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.....	20
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính	22
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí khác	24
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	26
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh.....	29
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung	31
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung	32
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung.....	34
Sơ đồ 2.4 : Sơ đồ quy trình ghi sổ kế toán tại công ty	35

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Giao diện phần mềm Trí Việt	35
Bảng báo giá.....	39
Giao diện phần mềm xuất hoá đơn	41
Hoá đơn GTGT 0000034	42
Giao diện hoá đơn bán hàng kèm phiếu xuất kho phần mềm Trí Việt	43
Phiếu kế toán số 000002	44
Giao diện Chọn Sổ nhật ký chung phần mềm Trí Việt	44
Giao diện xem sổ cái TK 511	45
Sổ chi tiết TK 511	46
Sổ nhật ký chung.....	47
Sổ cái TK 511.....	48
Giấy báo có tiền lãi ngân hàng Sacombank.....	49
Sổ chi tiết TK 515	51
Sổ nhật ký chung TK 515	52
Sổ cái TK 515.....	53
Giao diện nhập liệu hoá đơn bán hàng kèm phiếu xuất kho trên phần mềm	54
Phiếu xuất kho số 0000003.....	55
Sổ chi tiết TK 632	56
Sổ cái TK 632.....	58
Hoá đơn GTGT mua dầu xe.....	60
Bảng tính khấu hao chi phí tra trước.....	61
Giao diện tính khấu hao trên phần mềm.....	62
Sổ chi tiết TK 6421	63
Sổ chi tiết TK 6422	64
Sổ nhật ký chung.....	65
Sổ cái TK 6422	67
Giấy nộp tiền vào NSNN	69
Giao diện nhập liệu TK 811.....	70
Sổ chi tiết TK 811	70
Sổ cái TK 811.....	72
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	74

Tờ khai quyết toán thuế TNDN	77
Phụ lục kết quả hoạt động kinh doanh	79
Sổ chi tiết TK 911	80
Sổ cái TK 911.....	82
Mẫu sổ chi tiết bán hàng.....	85
Mẫu sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán).....	86

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt thời gian học tập tại Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, em đã nhận được sự quan tâm, giảng dạy tận tình và truyền đạt nhiều kiến thức quý báu từ quý thầy cô. Những kiến thức chuyên môn cùng những kinh nghiệm thực tiễn mà thầy cô chia sẻ đã trở thành nền tảng quan trọng, giúp em vận dụng vào quá trình thực tập và là hành trang vững chắc cho công việc sau khi tốt nghiệp

Em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Ban Giám hiệu Nhà trường cùng toàn thể quý thầy cô Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã tận tâm giảng dạy, truyền đạt kiến thức và tạo điều kiện thuận lợi cho em trong suốt quá trình học tập. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến cô Phạm Minh Phương - người đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo, góp ý em trong suốt quá trình thực hiện khóa luận. Sự hỗ trợ quý báu cả về chuyên môn lẫn tinh thần từ thầy cô là động lực to lớn giúp em hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu này. Em xin kính chúc quý thầy cô ngày càng khỏe mạnh.

Em xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Quang Minh HD Miền Trung đã tạo điều kiện thuận lợi để em được thực tập, tìm hiểu thực tế và tiếp cận với công tác kế toán tại đơn vị. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn đến các chị trong phòng Kế toán đã nhiệt tình hướng dẫn, hỗ trợ và cung cấp những thông tin, số liệu cần thiết giúp em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp một cách hiệu quả.

Mặc dù đã cố gắng hết sức, nhưng do kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn còn hạn chế, thời gian thực hiện không nhiều nên khóa luận chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy cô để em có thể bổ sung khóa luận được hoàn thiện hơn và nâng cao chuyên môn của mình phục vụ tốt hơn cho công việc thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, muốn tồn tại và phát triển bền vững thì phải đặc biệt quan tâm đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh càng đóng vai trò quan trọng trong việc phản ánh chính xác hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, cùng với những kiến thức đã được học tại trường và quá trình thực tập thực tế tại Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Quang Minh HD Miền Trung, em đã lựa chọn đề tài: “Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Quang Minh HD Miền Trung” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Qua việc nghiên cứu đề tài “Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Quang Minh HD Miền Trung”. Giúp em hiểu rõ hơn thực trạng kinh doanh của doanh nghiệp, so sánh các kiến thức được học trên trường và thực tế tại doanh nghiệp.

Qua đó thực tập là khoản thời gian quý báu để sinh viên chúng em có cơ hội tiếp xúc, quan sát và làm quen với công việc hàng ngày từ đó tạo ra những trải nghiệm và định hình của bản thân.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Nơi thực tập: Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Quang Minh HD Miền Trung.
- Thời gian thực tập: 06/12/2025.
- Số liệu báo cáo: Nghiên cứu số liệu kế toán năm 2025.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp tiếp cận thống kê và phân tích số liệu trên thực tế thu thập được trong thời gian thực tập doanh nghiệp, sự hỗ trợ thông qua trao đổi và hướng dẫn của các chị nhân viên trong phòng kế toán kết hợp với các tài liệu giáo trình, những kiến thức đã được học và sự hỗ trợ từ internet cũng đóng vai trò giúp em hiểu về quy trình tổ chức và cách thức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

5. Cấu trúc đề tài

Nội dung khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Quang Minh HD Miền Trung.

Chương 3: Nhận xét, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Quang Minh HD Miền Trung.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1. Đặc điểm chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

1.1.1. Khái niệm về doanh thu chi phí và kết quả kinh doanh

➤ **Doanh thu:**

Theo chuẩn mực kế toán VAS 14 ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp trong kỳ kế toán, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu (không bao gồm vốn góp của chủ sở hữu)

Theo điều 56 của Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành vào ngày 26/08/2016 của bộ tài chính về “Chế độ kế toán nhỏ và vừa”: Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp trừ phần vốn góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

➤ **Chi phí:**

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC chế độ kế toán cho Doanh nghiệp vừa và nhỏ “Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa”

Chi phí là tất cả các khoản chi liên quan đến hoạt động tài chính như: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, chi phí giao dịch chứng khoán, chi góp vốn, các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, mua bán ngoại tệ, đánh giá lại tỷ giá hối đoái cuối kỳ;

➤ **Kết quả kinh doanh:**

Theo quy định tại điều 68 Thông tư 133/2016/TT-BTC. Kết quả kinh doanh là Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định kết quả kinh doanh được tiến hành vào thời điểm kết thúc kỳ hoạt động, thường là vào cuối quý hoặc cuối năm, tùy theo đặc thù sản xuất kinh doanh và nhu cầu quản lý của mỗi doanh nghiệp. Trong trường hợp tổng doanh thu phát sinh trong kỳ vượt quá tổng chi phí doanh nghiệp lãi, ngược lại, nếu chi phí lớn hơn doanh thu thì doanh nghiệp bị lỗ.

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Ghi nhận, phản ánh đầy đủ, kịp thời và chính xác doanh thu bán hàng và doanh thu hoạt động tài chính theo đúng nguyên tắc kế toán quy định tại Thông tư 133.
- Theo dõi, tập hợp và phản ánh các khoản chi phí phát sinh trong kỳ, bao gồm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính, đảm bảo phân loại chi phí đúng nội dung và mục đích.
- Thực hiện kết chuyển doanh thu và chi phí để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán.
- Kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo tính trung thực, hợp lý.
- Lập và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh theo đúng mẫu biểu và yêu cầu của Thông tư 133.
- Cung cấp thông tin và lập báo cáo tài chính cho doanh nghiệp cũng như yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

1.1.3. Ý nghĩa của doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Doanh thu là cơ sở phản ánh quy mô hoạt động và mức độ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp. Thể hiện khả năng chiếm lĩnh thị trường, năng lực cạnh tranh và uy tín của doanh nghiệp. Là căn cứ quan trọng để xác định nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước (thuế GTGT, thuế TNDN...). Là nền tảng để xác định kết quả kinh doanh và đánh giá hiệu quả hoạt động trong kỳ.

Chi phí phản ánh mức độ hao phí của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động kinh doanh, là cơ sở để tính giá thành sản phẩm, dịch vụ và xác định giá bán phù hợp. Giúp doanh nghiệp kiểm soát, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực. Là

căn cứ quan trọng để xác định lợi nhuận hoặc lỗ trong kỳ. Cung cấp thông tin cho nhà quản trị trong việc phân tích, so sánh và đưa ra quyết định điều chỉnh chi phí hợp lý.

Việc xác định đúng kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp phản ánh chính xác lãi lỗ trong kỳ. Là căn cứ để tính và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Cung cấp thông tin cho các đối tượng bên ngoài như nhà đầu tư, ngân hàng, đối tác để đưa ra quyết định hợp tác, đầu tư hoặc cho vay. Bên cạnh đó nhà quản trị sẽ đưa ra kế hoạch mới để khắc phục các yếu điểm cho kỳ kinh doanh tiếp theo

1.2. Kế toán doanh thu, thu nhập

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Khái niệm doanh thu thuần và các khoản giảm trừ doanh thu

➤ Doanh thu thuần

Doanh thu thuần là khoản tiền doanh nghiệp nhận về từ việc bán hàng hóa và dịch vụ sau khi trừ các khoản giảm trừ doanh thu như : chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán.

➤ Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm: chiết khấu thương mại; giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- Chiết khấu thương mại: Khi mua hàng với số lượng lớn hoặc mua đạt được một doanh số nào đó, người mua được giảm giá so với giá niêm yết và được quy định rõ trong hợp đồng.
- Giảm giá hàng bán: Khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém, mất phẩm chất, không đúng quy cách được quy định trong hợp đồng kinh tế.
- Hàng bán bị trả lại: giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

1.2.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng

Theo quy định điều 57 của thông tư 133/2016/TT-BTC, doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua

- Doanh nghiệp không còn quyền nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

b) Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.2.1.3. Các phương thức bán hàng, phương thức thanh toán

➤ Các phương thức bán hàng

a) Phương thức bán hàng tại kho

Theo phương thức này, bên mua cử cán bộ nghiệp vụ đến nhận hàng tại kho hoặc tại các phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi giao hàng xong, bên mua ký vào chứng từ bán hàng thì hàng được xác định là tiêu thụ. Mọi tổn thất trong quá trình vận chuyển hàng về đơn vị do người mua chịu.

b) Phương thức chuyển hàng (phương thức bán hàng gửi đi bán)

Phương thức chuyển hàng là phương thức mà khi xuất kho hàng chuyển cho khách hàng, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Mọi tổn thất trong quá trình vận chuyển đến cho người mua do doanh nghiệp chịu. Hàng được chuyển giao quyền sở hữu khi khách hàng nhận được hàng và chấp nhận thanh toán. Phương thức này được áp dụng đối với những khách hàng có quan hệ mua bán thường xuyên với doanh nghiệp.

c) Phương thức bán hàng qua đại lý, ký gửi

Doanh nghiệp giao đại lý, ký gửi: Doanh nghiệp sẽ xuất kho hàng gửi cho đại lý hoặc đơn vị nhận ký gửi, khi bên nhận đại lý bán được hàng hóa sẽ gửi bảng kê hàng hóa đã tiêu thụ được về cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp sẽ xuất hóa đơn

- GTGT số hàng hóa đã tiêu thụ đó cho bên nhận làm đại lý, ký gửi. Doanh nghiệp phải trả hoa hồng cho họ, số hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Hoa

hàng đại lý được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá bán chưa có thuế GTGT (đối với hàng hóa chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ) hoặc thanh toán bao gồm cả - GTGT (đối với hàng hóa chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT) và được hạch toán vào chi phí bán hàng.

d) Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp

Đối với một số mặt hàng có giá trị tương đối cao, để người mua có thu nhập trung bình có thể tiêu dùng được những mặt hàng này, các doanh nghiệp tiến hành bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp. Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì được xác định là tiêu thụ. Người mua sẽ thanh toán ngay lần đầu tại thời điểm mua một phần số tiền phải trả, phần còn lại trả dần trong nhiều kỳ và phải chịu một khoản lãi nhất định gọi là lãi trả chậm, trả góp. Thông thường, số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm.

➤ Phương thức thanh toán

a) Phương thức thanh toán bằng tiền mặt

Theo phương thức này, việc chuyển giao quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cho khách hàng và việc thu tiền được thực hiện đồng thời và người bán sẽ nhận được ngay số tiền mặt tương ứng với số hàng hóa mà mình đã bán.

b) Phương thức thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng

Ngân hàng đóng vai trò trung gian giữa doanh nghiệp và khách hàng, làm nhiệm vụ chuyển tiền từ tài khoản của người mua sang tài khoản của doanh nghiệp và ngược lại. Phương thức này có nhiều hình thức thanh toán như: Thanh toán bằng séc, thư tín dụng, thanh toán bù trừ, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, ...

c) Phương thức thanh toán trả chậm

Áp dụng cho khách hàng thường xuyên hoặc những khách hàng đã ký hợp đồng mua hàng với khối lượng lớn. Căn vào vào hợp đồng mua hàng có khối lượng lớn. Căn cứ vào thỏa thuận, khách hàng có thể thanh toán sau thời điểm nhận hàng. Đến thời hạn thanh toán, khách hàng có thể trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng.

1.2.1.4. Chứng từ sử dụng

- Đơn đặt hàng, hợp đồng kinh tế
- Hoá đơn giá trị gia tăng/Hoá đơn bán hàng
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu, giấy báo có
- Các chứng từ liên quan....

1.2.1.5. Tài khoản sử dụng

TK 511 – Doanh thu Bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất, kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng hoá: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư
- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng..

TK 511 doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ có 4 tài khoản cấp 2

Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư, lương thực, ...

Tài khoản 5112 - Doanh thu bán thành phẩm: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, ...

Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán, ...

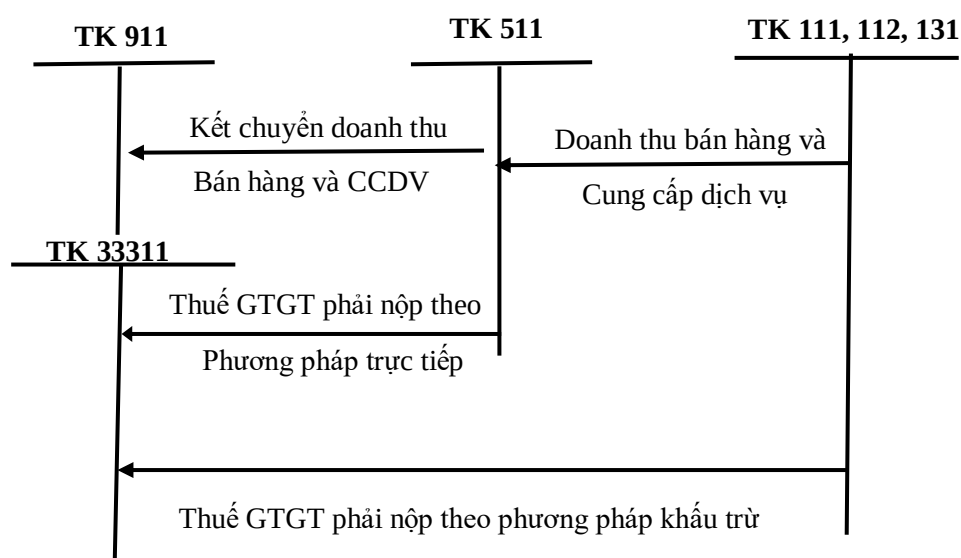
Tài khoản 5118 - Doanh thu khác: Tài khoản này dùng để phản ánh về doanh thu nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước...

NỢ	TK 511-Doanh thu BH và CCDV	CÓ
	- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, tiêu thụ đặc biệt, xuất khẩu, bảo vệ môi trường) - Các khoản giảm trừ doanh thu - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”	- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán

TK 511 không có số dư cuối kỳ

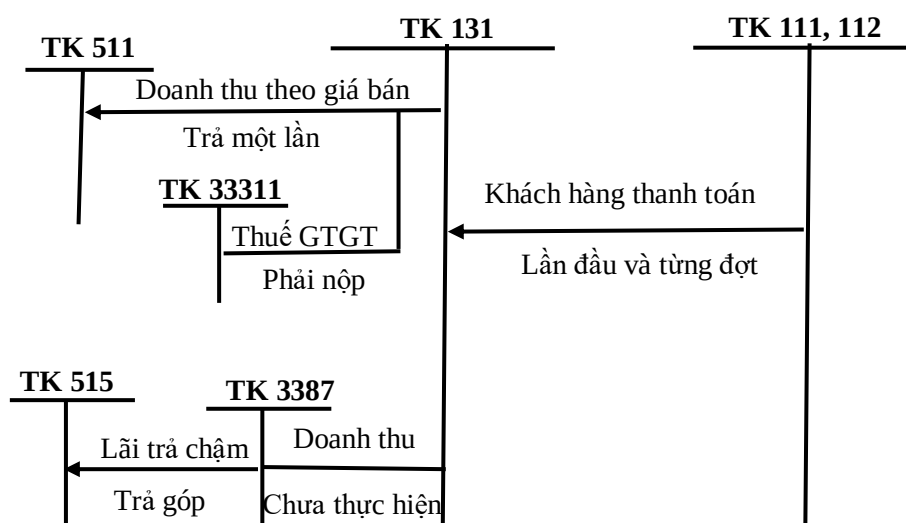
1.2.1.6. Trình tự hạch toán

- Bán hàng theo phương thức bán buôn và bán lẻ



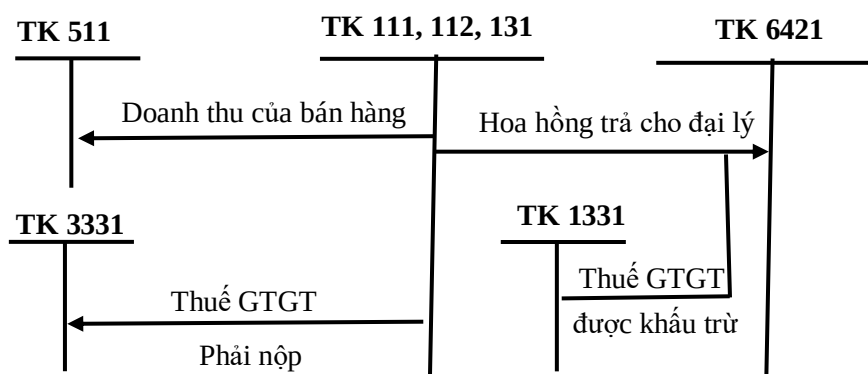
Sơ đồ 1.1: sơ đồ hạch toán TK 511 theo phương thức bán buôn và bán lẻ

- Bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp



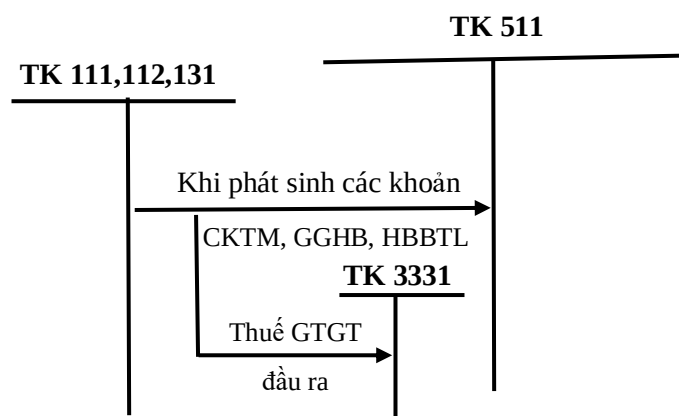
Sơ đồ 1.2: sơ đồ hạch toán TK 511 bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp

- Bán hàng theo phương thức gửi đại lý
- Doanh nghiệp giao đại lý ký gửi



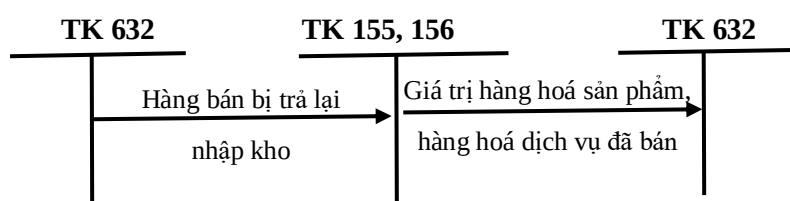
Sơ đồ 1.3. sơ đồ hạch toán TK 511 doanh nghiệp giao đại lý, ký gửi

➤ Các khoản giảm trừ doanh thu



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán TK 511 các khoản giảm trừ doanh thu

❖ Kế toán chi phí liên quan: Nhận lại sản phẩm, hàng hoá



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí liên quan

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.3.1 Nội dung

Theo Điều 58 Thông tư 133/2016/ TT-BTC: Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản doanh thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác; thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, lãi do bán ngoại tệ;

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.2.3.2. Chứng từ sử dụng

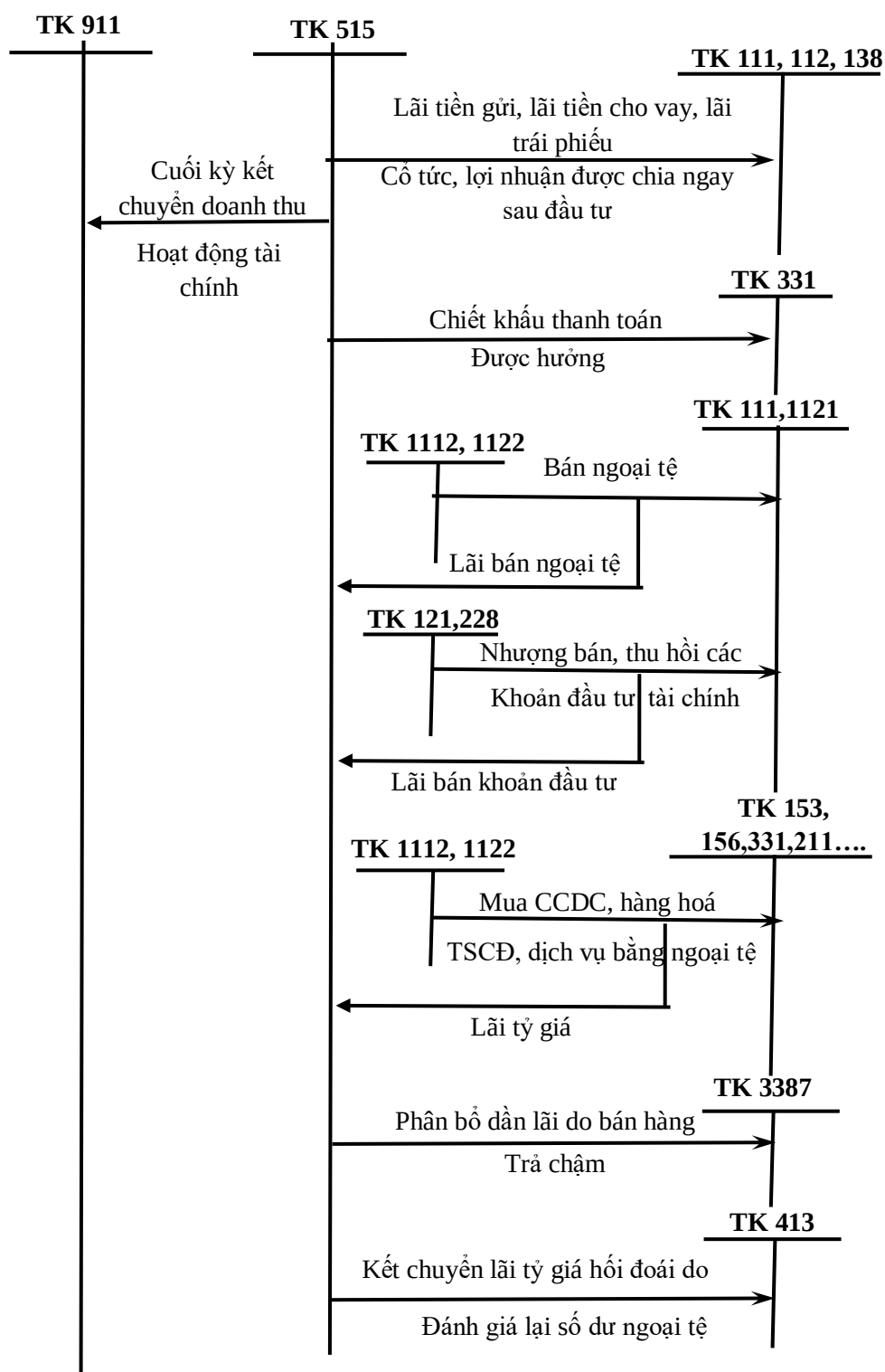
- Phiếu thu, Giấy báo Có;
- Phiếu tính lãi;
- Sổ phụ ngân hàng;
- Biên bản thanh lý hợp đồng...

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

NỢ	TK 515-Doanh thu hoạt động tài chính	CÓ
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp (nếu có) - Kết chuyển sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”		- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ		

1.2.3.4. Trình tự hạch toán



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán TK 515

1.2.4. Kế toán thu nhập khác

1.2.4.1. Nội dung

Theo chuẩn mực VAS 14 - doanh thu và thu nhập khác là các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Các khoản thu khác...

1.2.4.2. Chứng từ sử dụng

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Hợp đồng bán tài sản
- Hoá đơn GTGT/ hoá đơn bán hàng
- Phiếu thu/ giấy báo có

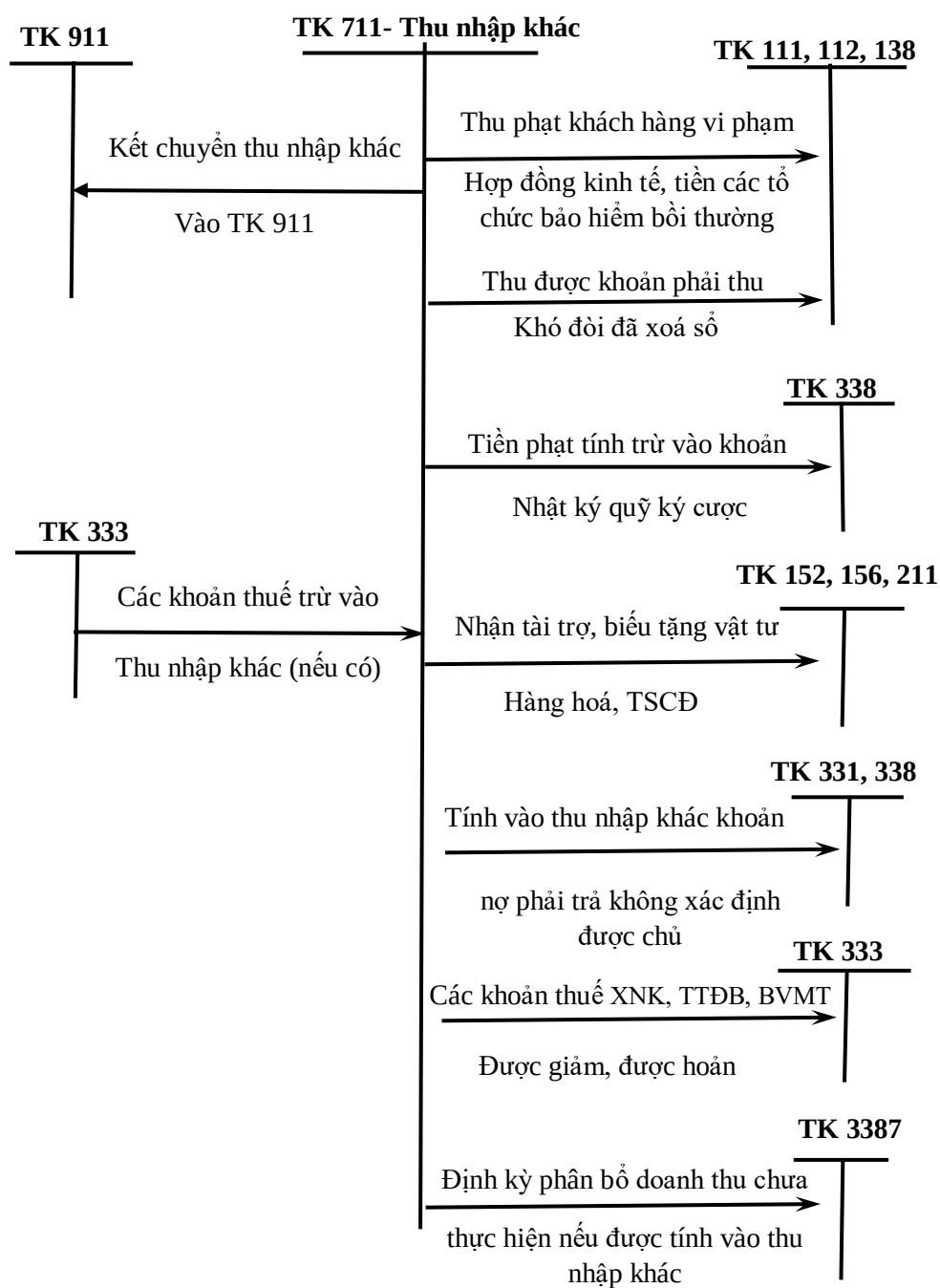
1.2.4.3. Tài khoản sử dụng

TK 711 – doanh thu thu nhập khác

NỢ	TK 711 – THU NHẬP KHÁC	CÓ
– Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. – Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

TK 711 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.4. Trình tự hạch toán



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

1.3. Kết toán các khoản chi phí

1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán

1.3.1.1. Khái niệm giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng hợp các chi phí trực tiếp tạo ra sản phẩm, hàng hóa hoặc dịch vụ đã được xuất bán trong kỳ, như chi phí nguyên liệu đầu vào, tiền lương công nhân sản xuất và các chi phí phát sinh trong quá trình hình thành sản phẩm, hàng hóa. Đối với doanh nghiệp thương mại, giá vốn hàng bán bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan đến quá trình mua hàng.

1.3.1.2. Phương pháp tính giá xuất kho

a) Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, vật tư, hàng hóa thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính.

Ưu điểm: Tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem đi bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

Nhược điểm: Chỉ áp dụng cho những doanh nghiệp có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho phải nhận diện được.

b) Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp này thì giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp. Phương pháp này có 2 phương thức:

➤ Bình quân gia quyền cuối kỳ:

Theo phương thức này, đến cuối kỳ mới tính giá trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ giá trị hàng tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i	=	Trị giá thực tế hàng i tồn đầu kỳ	+	Trị giá thực tế hàng i nhập trong kỳ
		Số lượng hàng i tồn đầu kỳ		Số lượng hàng i nhập trong kỳ

Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ.

Nhược điểm: Độ chính xác không cao, công việc tính toán dồn vào cuối kỳ gây ảnh hưởng đến tiến độ các phần hành khác. Ngoài ra, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

➤ Bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân thời điểm):

Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i Sau lần nhập thứ n	=	Trị giá thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n	+	Giá trị thực tế hàng i Nhập lần thứ n
		Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n	+	Số lượng hàng i nhập kho ở lần thứ n

c) Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Ưu điểm: Phương pháp này cho phép tính ngay được trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho các ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá của hàng tồn kho tương đối sát với giá trị thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

Nhược điểm: Làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại vì theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hóa đã có được từ đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc tăng lên rất nhiều.

1.3.1.3. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng mua bán, biên bản giao nhận hàng hóa, Biên bản kiểm kê hàng hóa;
- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho;

- Hóa đơn GTGT/Hóa đơn bán hàng;
- Phiếu chi;
- Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn...

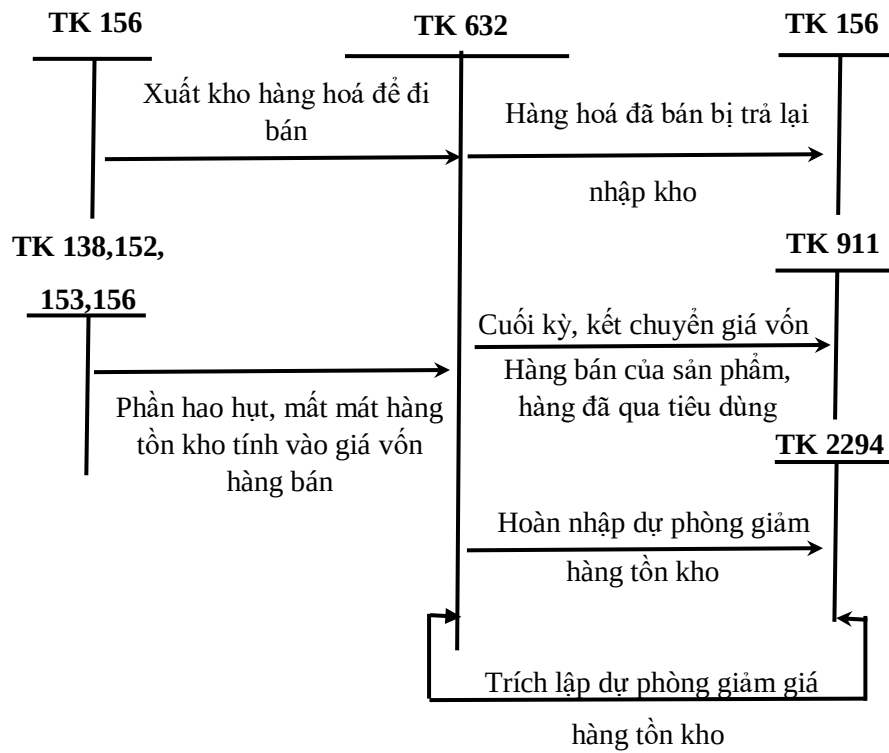
1.3.1.4. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”

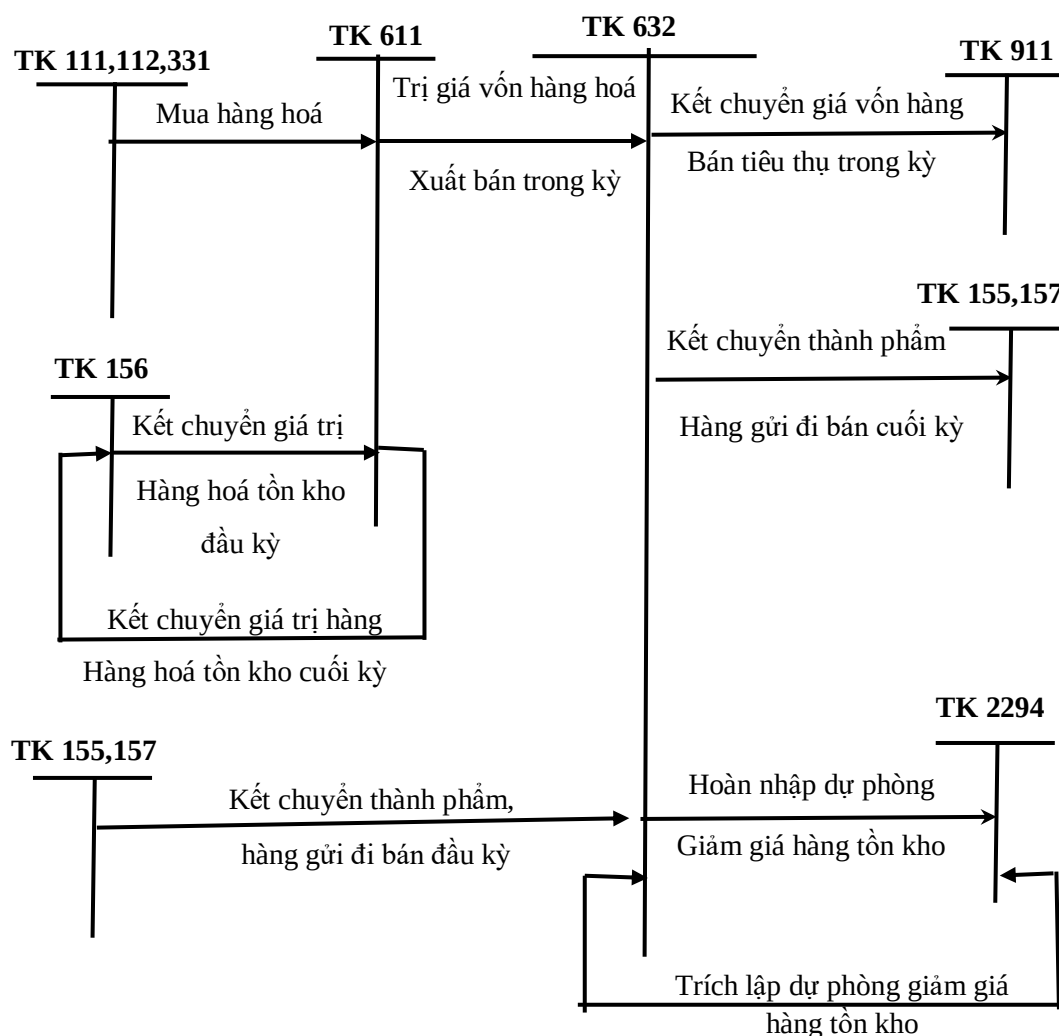
NỢ	TK 632 – Giá vốn hàng bán	CÓ
- Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ; - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ; - Các khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh"; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho; - Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh); - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ; - Các khoản thuế thu nhập, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.

TK 632 Không có số dư cuối kỳ

1.3.1.6. Trình tự hạch toán



Sơ đồ 1.8 : Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.3.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh dùng bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ

phần bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

1.3.2.1. Chứng từ sử dụng

- Bảng tính lương và các khoản trích theo lương;
- Bảng tính khấu hao TSCĐ và phân bổ CCDC;
- Hóa đơn GTGT;
- Phiếu chi, Giấy báo Nợ;
- Sổ phụ ngân hàng...

1.3.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2 như sau:

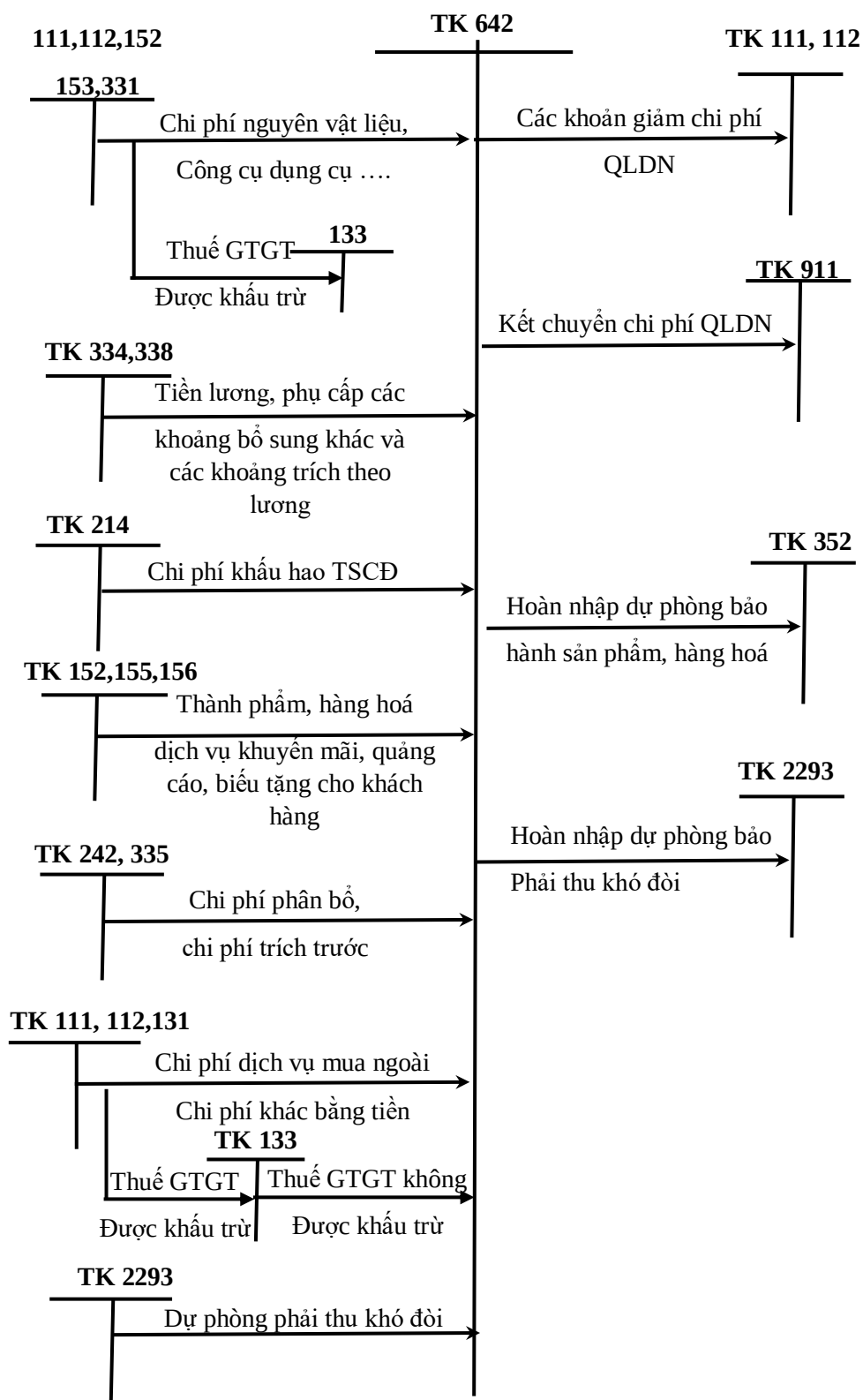
- Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng.

- Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

NỢ	TK 642 – CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH	CÓ
- Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)		- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết) - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

TK 642 KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ

1.3.2.3. Trình tự hạch toán



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3.3. Kế toán chi phí tài chính

1.3.3.1. Nội dung

Chi phí hoạt động tài chính: Là toàn bộ những khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính. Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ đo thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ;
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ;
- Lỗ bán ngoại tệ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác;
- Các khoản chi phí tài chính khác.

1.3.3.2. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Nợ;
- Sổ tiền vay ngân hàng;
- Sổ phụ ngân hàng;
- Các giấy tờ khác có liên quan...

1.3.3.3. Tài khoản sử dụng

TK 635 - Chi phí tài chính

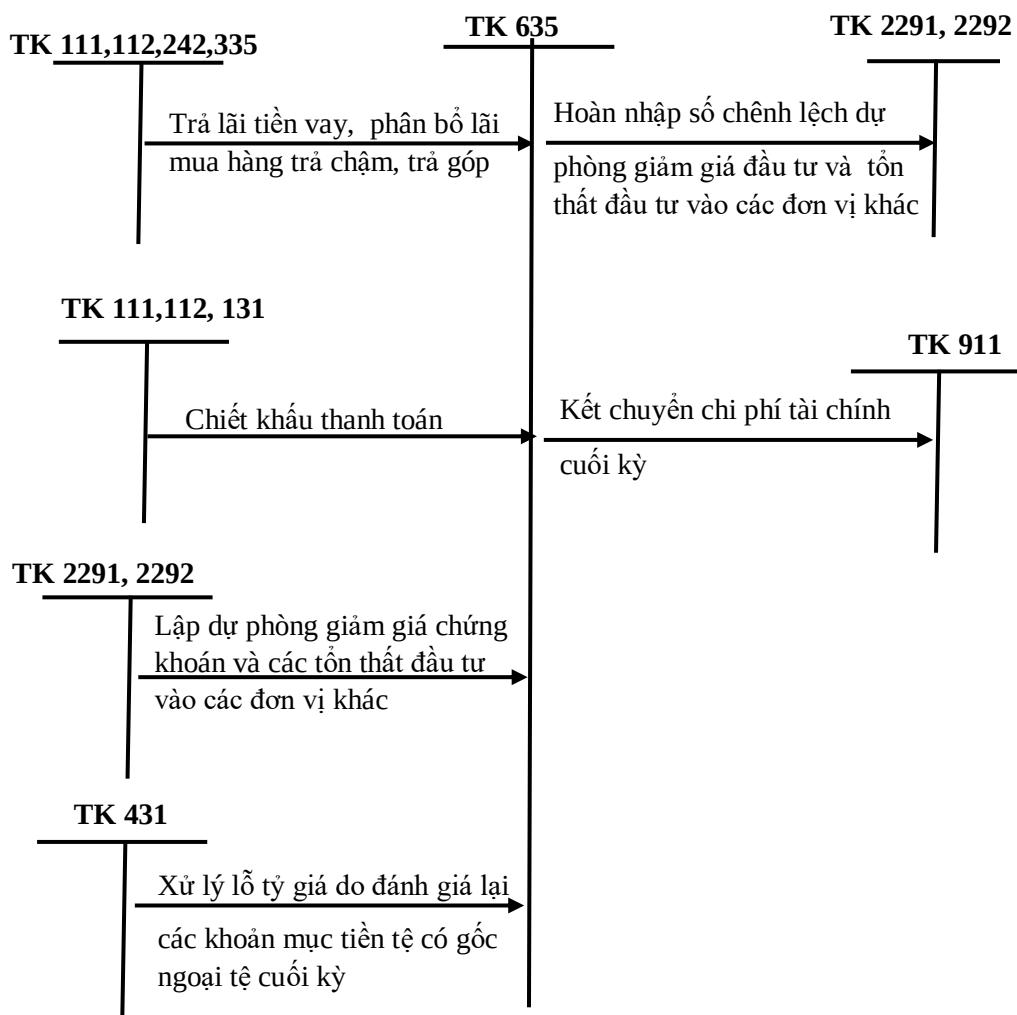
TK này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính

- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước);

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính;
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

TK 635 - KHÔNG CÓ SỐ DƯ CUỐI KỲ

1.3.3.4. Trình tự hạch toán



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

1.3.4. Kế toán chi phí khác

1.3.4.1. Nội dung

Theo Điều 66 Thông tư 133/2016/BT-BTC: Chi phí khác là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý), số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đem đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác;
- Tiền phạt phải trả do vi phạm Hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính;
- Các khoản chi phí khác.

1.3.4.2. Chứng từ sử dụng

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ, biên bản đánh giá lại TSCĐ;
- Biên bản vi phạm hợp đồng;
- Phiếu Chi, giấy báo Nợ;
- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước....

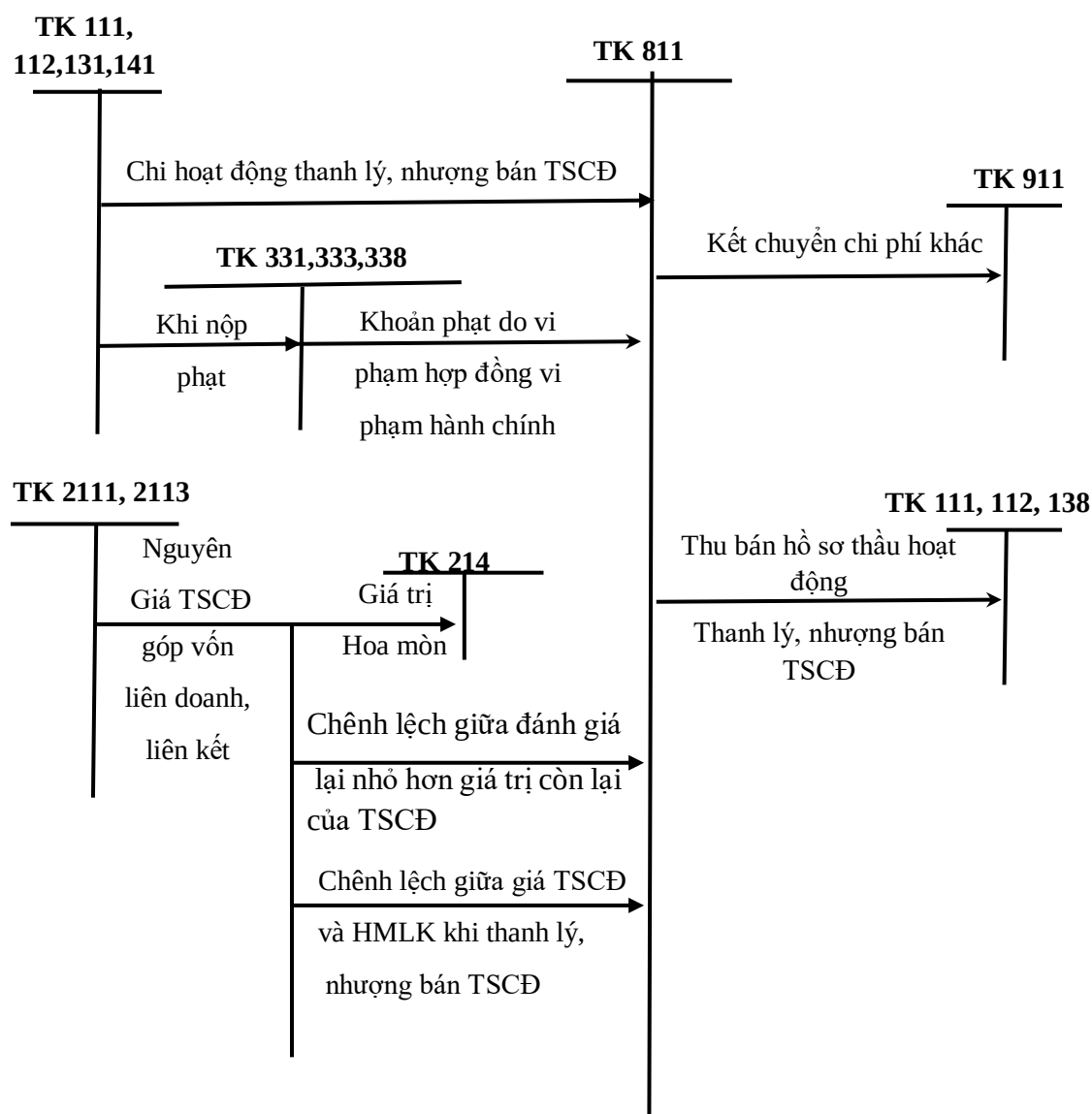
1.3.4.3. Tài khoản sử dụng

TK 811 Chi phí khác

NỢ	TK 811 CHI PHÍ KHÁC	CÓ
-Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

TK 811 không có số dư cuối kỳ

1.3.4.4. Trình tự hạch toán



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung

1.4.1. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.4.1.1. Khái niệm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, đánh vào doanh nghiệp, tổ chức kinh tế có mức thu nhập phải chịu thuế bao gồm từ hoạt động kinh doanh, hoạt động sản xuất, hoạt động vận chuyển hàng hóa, dịch vụ và những thu nhập khác của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại luật thuế TNDN số 67/2025/QH15, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định như sau:

$$\text{THUẾ TNDN PHẢI NỘP} = \text{THU NHẬP TÍNH THUẾ} \times \text{THUẾ SUẤT THUẾ TNDN}$$

Trong đó:

Thu nhập chịu thuế = Doanh thu tính thu nhập chịu thuế – Chi phí được trừ trong kỳ + Các khoản thu nhập khác

Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế – (Thu nhập được miễn thuế + Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định)

Thuế suất thuế TNDN: Theo quy định tại điều 10 của Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 và quy định tại điều 4 Nghị Định 320/2025/NĐ-CP thuế suất được quy định như sau:

- + Doanh nghiệp có tổng doanh thu năm trước liền kề không quá 3 tỷ: 15%
- + Doanh nghiệp có tổng doanh thu năm trước liền kề từ trên 3 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng: 17%
- + Doanh nghiệp có tổng doanh thu năm trước liền kề từ trên 50 tỷ đồng: 20%

1.4.1.2 Chứng từ sử dụng

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Tờ khai quyết toán thuế TNDN;

1.4.1.3 Tài khoản sử dụng

TK 821 - Chi phí thuế TNDN: dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

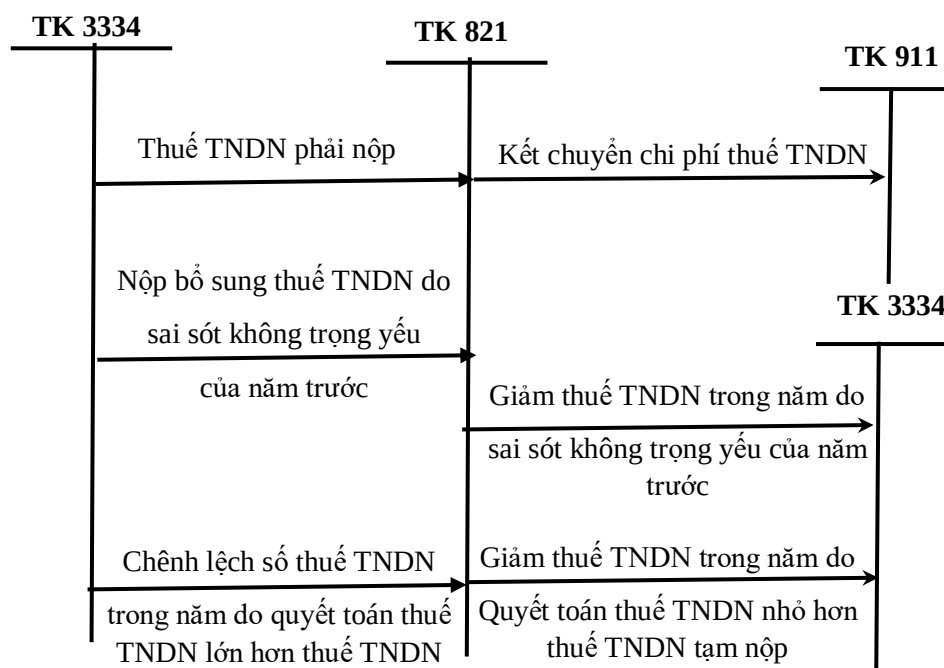
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào tài khoản này là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Kết cấu tài sản

NỢ	TK 821 CHI PHÍ THUẾ TNDN	CÓ
- Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm - thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN của năm hiện tại		- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại; - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm vào tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh".

TK 821 Không có số dư cuối kỳ

1.4.1.4. Trình tự hạch toán



Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.4.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.4.2.1. Khái niệm xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác trong một thời kỳ nhất định. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác. Trong đó:

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận thuần} \\ \text{từ hoạt động} \\ \text{kinh doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần BH \&} \\ \text{CCDV} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{hoạt động tài chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí tài chính} \\ \text{kinh doanh} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí quản lý} \\ \text{kinh doanh} \end{array}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Các khoản thu nhập khác} - \text{Các khoản chi phí khác}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận} \\ \text{Kế toán} \\ \text{Trước thuế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt} \\ \text{Động kinh doanh} \end{array} - \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\text{Chi phí Thuế TNDN} = \left(\text{Thu nhập tính thuế} - \text{Phần trích lập quỹ khoa học công nghệ} \right) \times \frac{\text{Thuế suất Thuế TNDN}}{100}$$

$$\text{Lợi nhuận Kế toán sau thuế} = \text{Lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí Thuế TNDN}$$

1.4.2.2. Tài khoản sử dụng

TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

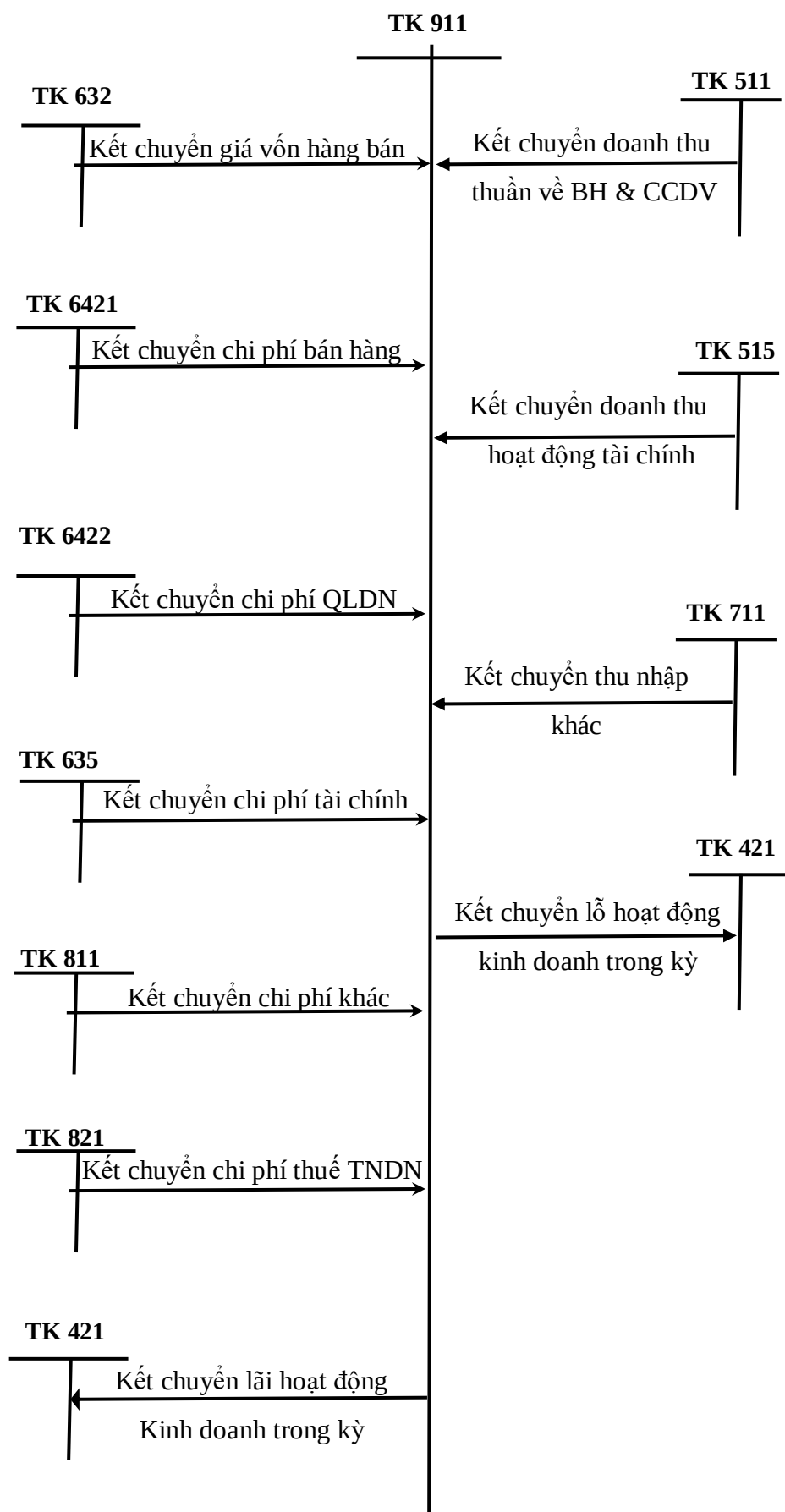
NỢ	TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh	CÓ
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác - Kết chuyển lãi		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN - Kết chuyển lỗ

TK 911 Không có số dư cuối kỳ

1.4.2.3. Chứng từ sử dụng

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Bảng kết chuyển doanh thu và chi phí...

1.4.2.4. Trình tự hạch toán



Sơ đồ 1.14: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRUNG

2.1. Tổng quan về công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung

2.2.1. Tổng quan về công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung

2.1.1.1. Giới thiệu về công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung

Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung là một trong những doanh nghiệp kinh doanh về lĩnh vực thương mại (mã ngành 4669) ngành nghề chính là bán buôn, chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết bán buôn thanh nhôm định hình. Công ty được thành lập theo giấy phép kinh doanh số 0402036729 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

- Tên công ty: TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung
- Địa chỉ trụ sở chính: 140 Đinh Văn Cháp, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Mã số thuế: 0402036729
- Người đại diện pháp lý: Ông Nguyễn Văn Khánh
- Giám đốc: Ông Nguyễn Văn Khánh
- Vốn điều lệ: 1.900.000.000 đồng.
- Email: nhomquangminh.dn@gmail.com
- Loại hình công ty: Công ty TNHH một thành viên
- Loại hình kinh doanh: Thương mại
- Quy mô: Doanh nghiệp vừa và nhỏ

2.1.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung

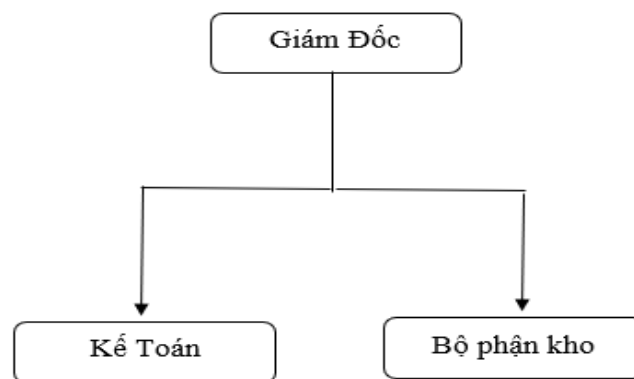
Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung được thành lập và đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 20/4/2020 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, đến ngày 17/8/2022 công ty đã đăng ký thay đổi lần thứ nhất. Đăng ký thay đổi lần thứ 2 vào ngày 26/09/2025. Là một trong những doanh nghiệp chuyên kinh doanh thanh nhôm. Trong giai đoạn đầu (2020 – 2023) nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, công ty chủ yếu nhập khẩu thanh nhôm từ Quảng Tây (Trung Quốc).

Nguồn hàng nhập khẩu giúp công ty nhanh chóng tiếp cận thị trường. Tuy nhiên, trước sự biến động của thị trường giữa giá cả và tiến độ cung ứng, công ty đã có sự điều chỉnh nguồn hàng đến giai đoạn (2024 – 2025) công ty đã chuyển sang nhập thanh nhôm từ nhà máy đặt tại Hải Dương. Việc thay đổi này giúp công ty chủ động hơn trong khâu cung ứng và nâng cao khả năng kiểm soát chất lượng sản phẩm trước khi đến tay khách hàng.

Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung chuyên hoạt động trong lĩnh vực thương mại không trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất mà tập trung vào các khâu mua hàng, dự trữ và bán hàng ra thị trường. Với ngành nghề kinh doanh chính là buôn bán thanh nhôm và thanh nhôm tĩnh điện phục vụ cho xây dựng, cơ khí và trang trí nội thất...

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung

2.1.2.1 Sơ đồ tổ chức quản lý



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung

2.1.2.2 Chức năng của các bộ phận

Giám đốc công ty: Đứng đầu công ty là Giám đốc có trách nhiệm quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của công ty, giám đốc có chức năng xây dựng và đặt ra chiến lược kinh doanh, tìm kiếm cơ hội phát triển. Lựa chọn nhà phân phối, quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến mua hàng, bán hàng, đầu tư và tài chính của công ty. Đại diện công ty trong các giao dịch pháp lý, ký kết hợp đồng và các thỏa thuận với bên ngoài.

Phòng kế toán: Tổ chức thực hiện công tác kế toán, theo dõi giao dịch hàng ngày, xử lý phân tích và cung cấp thông tin về tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí, hỗ trợ tư vấn cho giám đốc. Đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính và thuế.

Bộ phận kho: Bộ phận kho tại Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Quang Minh HD Miền Trung có chức năng bảo quản và xuất hàng hóa theo yêu cầu. Khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, được thông báo từ kế toán về số lượng và chủng loại thanh nhôm cần xuất kho. Căn cứ vào thông tin này, nhân viên kho tiến hành chuẩn bị hàng hóa đúng số lượng theo yêu cầu. Bộ phận kho thực hiện bốc xếp thanh nhôm lên xe, đảm bảo an toàn trong quá trình xếp dỡ, hạn chế hư hỏng hàng hóa.

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung

2.1.3.2. Chức năng và nhiệm vụ của kế toán

Kế toán viên (Kiêm bán hàng): Thực hiện công tác kế toán, thu thập kiểm tra các chứng từ tiến hành nhập liệu, hỗ trợ hoạt động bán hàng của công ty tiếp nhận đơn đặt hàng, tư vấn sản phẩm, lập báo giá và hóa đơn bán hàng, xuất hàng và theo dõi tình hình thanh toán của khách hàng.

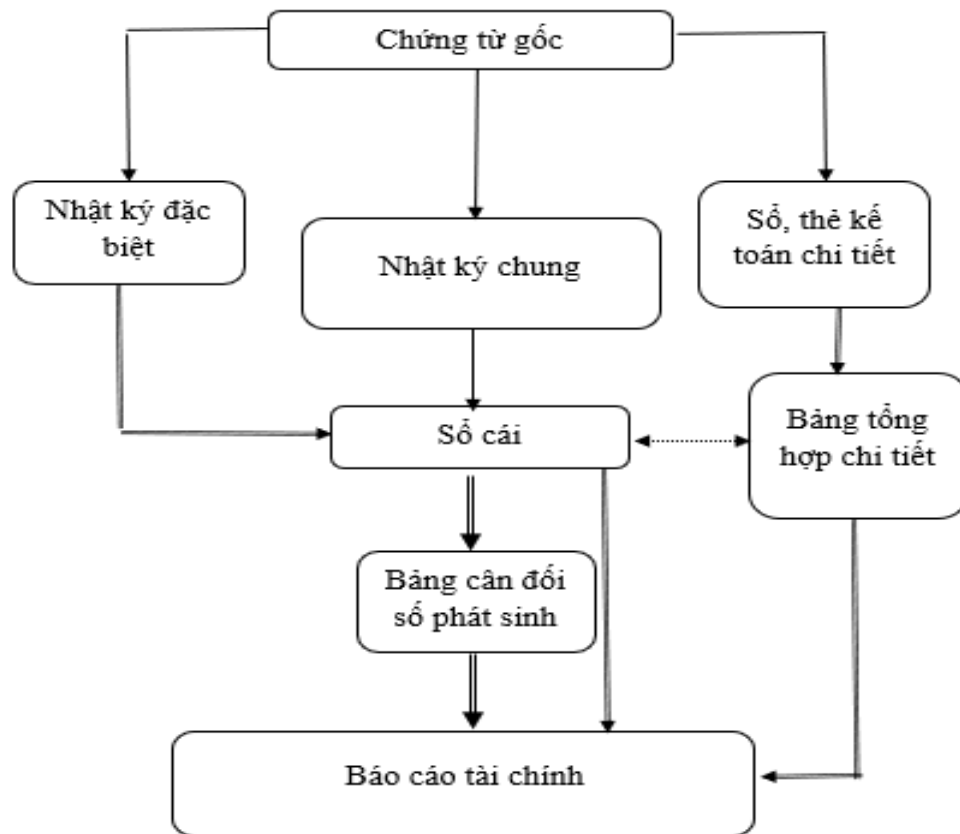
Kế toán tổng hợp: Thực hiện kiểm tra, tổng hợp và rà soát các số liệu, thực hiện công tác kê khai, quyết toán các loại thuế phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty, lập báo cáo tài chính cuối năm theo quy định của Nhà nước. Cung cấp thông tin doanh thu, chi phí và lợi nhuận của công ty cho giám đốc và tư vấn các chính sách thuế và các rủi ro có thể phát sinh.

2.1.3.3. Chế độ chính sách kế toán tại công ty

- Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Quang Minh HD Miền Trung áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.
- Kỳ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).
- Kỳ lập báo cáo tài chính của công ty được thực hiện theo năm dương lịch
- Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, giá trị hàng tồn kho xuất dùng được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm, doanh nghiệp quản lý hàng tồn kho phương pháp kê khai thường xuyên.
- Thuế giá trị gia tăng được tính theo phương pháp khấu trừ.
- Tài sản cố định của công ty được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng

2.1.3.4. Hình thức sổ kế toán tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung

Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD miền trung áp dụng hình thức sổ kế toán là nhật ký chung. Quy trình ghi sổ được thực hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung

Ghi chú:

- Ghi hằng ngày
- =====> Ghi cuối kỳ
- ◄-----> Đối chiếu, kiểm tra

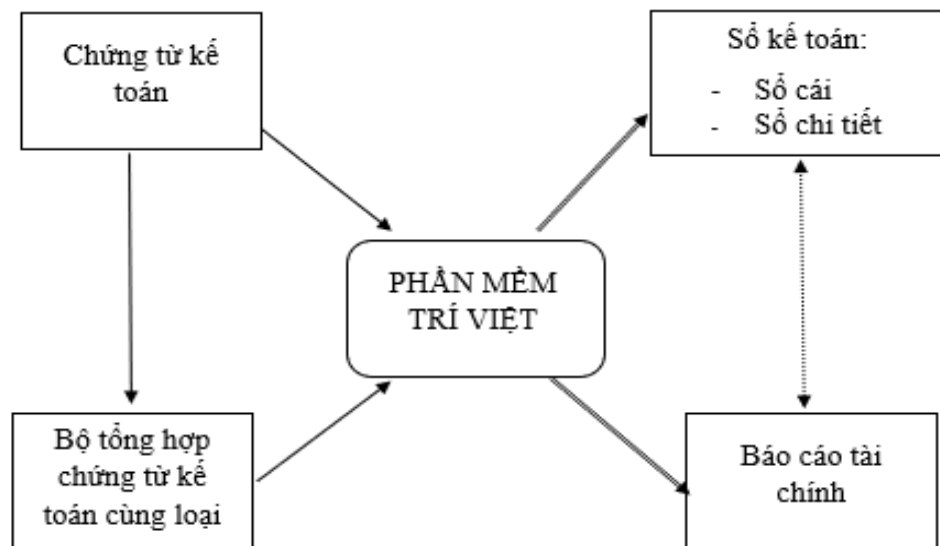
Hằng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ đã thu thập khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tiến hành kiểm tra, sắp xếp và tập hợp hoá đơn đầu vào – hoá đơn đầu ra. Sau đó dựa vào các chứng từ tiến hành nhập liệu vào phần mềm. Phần mềm sẽ tự động nhập vào các sổ liên quan như nhật ký chung, nhật ký đặc biệt, sổ thẻ kế toán chi tiết.

Cuối ngày hoặc định kỳ kế toán thực hiện đối chiếu, kiểm tra giữa chứng từ gốc với số liệu nhập trên phần mềm, đối chiếu bảng tổng hợp chi tiết với sổ cái.

Cuối kỳ kế toán căn cứ vào số liệu từ sổ cái đã được kiểm tra tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, thực hiện kết chuyển, lập báo cáo tài chính và khoá sổ. Sau đó, các sổ sách và chứng từ sẽ được in và sắp xếp thành tập để lưu trữ lâu dài.

Phần mềm công ty sử dụng là phần mềm kế toán Trí Việt

Quy trình ghi sổ được thực hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.4 : Sơ đồ quy trình ghi sổ kế toán tại công ty

Ghi chú:

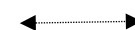
Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối kỳ (Cuối tháng, cuối năm)



Đối chiếu, kiểm tra



Giao diện phần mềm Trí Việt

Các phân hệ phần mềm tại Công ty TNHH Quang Minh HD Miền Trung:

- **Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay:** Có thể lập phiếu thu – chi bằng tiền để ghi nhận các nghiệp vụ chi tiêu bằng tiền mặt phát sinh trong quá trình hoạt động, Phiếu thu tiền mặt được sử dụng để ghi nhận các khoản thu phát sinh bằng tiền mặt. Đối với kế toán tiền gửi ngân hàng, công ty sử dụng phiếu thu tiền gửi và phiếu chi tiền gửi để ghi nhận các khoản thu – chi qua ngân hàng

Toàn bộ các nghiệp vụ thu – chi tiền mặt và tiền gửi ngân hàng đã được hạch toán, phần mềm kế toán Trí Việt tự động tổng hợp và lập các báo cáo liên quan đến tiền, bao gồm sổ quỹ tiền mặt, sổ tiền gửi ngân hàng.

- **Kế toán bán hàng và chi tiết công nợ phải thu:** Tại chức năng cập nhật số liệu, kế toán lập hóa đơn bán hàng kèm phiếu xuất kho khi phát sinh nghiệp vụ bán phản ánh đồng thời doanh thu - giá vốn bán hàng, số lượng hàng hóa xuất kho. Trên cơ sở đó, phần mềm tự động cập nhật vào sổ kế toán công nợ phải thu, bao gồm sổ chi tiết công nợ phải thu.

Bên cạnh đó, phân hệ còn cung cấp các báo cáo bán hàng, trong đó có sổ doanh thu bán hàng hằng ngày. Ngoài ra, phần mềm còn hỗ trợ lập báo cáo phân tích lãi lỗ, giúp doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh trong kỳ

- **Kế toán mua hàng và công nợ phải trả:** Khi phát sinh nghiệp vụ mua hàng, kế toán lập phiếu nhập hàng mua, phiếu nhập chi phí mua hàng hoặc phiếu nhập nguyên vật liệu tùy theo từng trường hợp cụ thể. Các chứng từ này là căn cứ để ghi nhận giá trị hàng mua, cập nhật số lượng hàng nhập kho và xác định công nợ phải trả cho nhà cung cấp. Sau khi chứng từ được ghi nhận, phần mềm tự động cập nhật vào sổ kế toán công nợ phải trả, bao gồm sổ chi tiết công nợ phải trả theo từng nhà cung cấp, giúp doanh nghiệp theo dõi chính xác số tiền còn phải thanh toán.

- **Kế toán tài sản cố định:** Ghi chép, theo dõi tài sản cố định, bao gồm các thông tin như nguyên giá, ngày đưa vào sử dụng, thời gian khấu hao và bộ phận sử dụng. Trên cơ sở dữ liệu đã cập nhật, phần mềm hỗ trợ theo dõi biến động tài sản cố định trong quá trình sử dụng và tự động tính khấu hao theo quy định.

- **Kế toán hàng tồn kho:** Quản lý tình hình nhập – xuất – tồn kho hàng hóa của doanh nghiệp. Phần mềm cho phép theo dõi chi tiết từng mặt hàng theo mã hàng, kho, số lượng và giá trị. Đồng thời, phần mềm cung cấp các báo cáo nhập – xuất – tồn, thẻ kho và sổ chi tiết hàng hóa, giúp doanh nghiệp kiểm soát tồn kho hiệu quả và đảm bảo số liệu kế toán chính xác.

- **Kế toán tổng hợp:** Xử lý toàn bộ số liệu kế toán phát sinh tại doanh nghiệp. Tại chức năng cập nhật số liệu, theo dõi sổ sách theo hình thức nhật ký chung hoặc chứng từ ghi sổ, sổ cái, sổ chi tiết Phần mềm hỗ trợ thực hiện bút toán kết chuyển

tự động vào cuối kỳ, đảm bảo số liệu được tổng hợp đầy đủ và chính xác. Bên cạnh đó, chức năng truy vấn, tìm kiếm dữ liệu giúp kế toán dễ dàng kiểm tra, đối chiếu và kiểm soát số liệu, làm cơ sở cho việc lập báo cáo tài chính và phục vụ công tác quản lý doanh nghiệp..

- **Báo cáo tài chính:** Phân hệ Báo cáo tài chính cho phép kế toán lập các báo cáo tài chính định kỳ của doanh nghiệp trên cơ sở số liệu đã được tổng hợp. Phần mềm hỗ trợ lập đầy đủ các báo cáo như Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính. Các báo cáo này phản ánh một cách tổng quát tình hình tài chính, là căn cứ quan trọng để phục vụ công tác quản lý và đáp ứng yêu cầu báo cáo với các cơ quan chức năng.

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung

2.2.1. Kế toán doanh thu, thu nhập tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung

2.2.1.1. Đặc điểm hoạt động tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung

Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung chuyên hoạt động trong lĩnh vực thương mại không trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất mà tập trung chủ yếu vào các khâu mua hàng, lưu kho và bán hàng ra thị trường. Với ngành nghề kinh doanh chính là thanh nhôm phục vụ cho xây dựng, cơ khí và trang trí nội thất. Ngay từ khi hoạt động, công ty đã xác định chất lượng sản phẩm là yếu tố then chốt, đóng vai trò quang trọng trong việc tạo dựng niềm tin của khách hàng bên cạnh đó công ty cũng đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng và phát triển thương hiệu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Ngoài việc chú trọng hoạt động kinh doanh, công ty còn thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về thuế. Đối với mặt hàng thanh nhôm theo chính sách thuế hiện hành, trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 30/06/2025, mặt hàng thanh nhôm được áp dụng chính sách giảm thuế VAT từ 10% xuống còn 8%. Tuy nhiên, kể từ ngày 01/07/2025 trở đi, các sản phẩm kim loại, bao gồm nhôm định hình và thanh nhôm, không còn thuộc đối tượng được giảm 2% thuế VAT nên khi xuất hóa đơn bán hàng, công ty sẽ áp dụng mức thuế suất VAT là 10% theo quy định.

❖ Phương thức thanh toán

Các phương thức thanh toán ở công ty

Thanh toán bằng tiền mặt: Theo phương thức này, việc chuyển giao quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho khách hàng và việc thu tiền được thực hiện đồng thời. Hình thức thanh toán này chủ yếu được áp dụng đối với khách hàng lẻ hoặc các giao dịch có giá trị nhỏ.

Thanh toán bằng chuyển khoản: Phương thức thanh toán này được áp dụng tại công ty đối với khách buôn hoặc doanh nghiệp. Căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết, khách hàng sẽ thực hiện thanh toán cho công ty thông qua hình thức chuyển khoản qua ngân hàng. Đối với các hóa đơn có giá trị từ 5.000.000 VNĐ trở lên, thì áp dụng phương pháp thanh toán bằng chuyển khoản.

2.2.1.2. Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung

➤ Kế toán doanh thu bán hàng

a) Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT;
- Phiếu thu, giấy báo có;
- Đơn đặt hàng
- Các chứng từ liên quan...

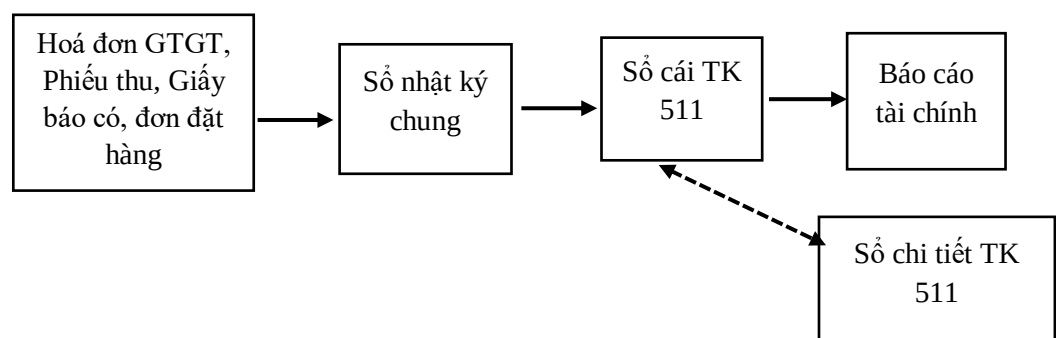
b) Tài khoản sử dụng

- Tài khoản cấp 1: tài khoản 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- tài khoản cấp 2: Tài khoản 5111 – doanh thu bán hàng hoá

c) Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 511
- Sổ chi tiết TK 5111

d) Quy trình ghi sổ



e). Quy trình bán hàng

Hợp đồng nguyên tắc → Báo giá → Đơn đặt hàng
→ Giao hàng → Lập hoá đơn → Phiếu thu/giấy báo có
→ Theo dõi công nợ

Sơ đồ 2.5: Sơ đồ quy trình bán hàng

f) Nghiệp vụ minh hoạ

Ngày 02/01/2025 Công ty TNHH Quang Minh HD Miền Trung và Công ty TNHH tổng hợp Trọng Tâm hai bên tiến hành ký hợp đồng nguyên tắc. Ngày 02/09/2025, công ty TNHH tổng hợp Trọng Tâm thông báo mua hàng, kế toán gửi bảng báo giá sau khi được giám đốc duyệt cho công ty khách hàng. Ngày 5/09/2025 Công ty tiến hành bán thanh nhôm cho khách hàng với số lượng 55,81 kg, đơn giá 92.700. Đơn giá chưa bao gồm thuế, thuế GTGT 10%. Khách hàng chưa thanh toán với hoá đơn GTGT số 00000034

- Hợp đồng nguyên tắc: (Phụ lục 1)
- Bảng báo giá:

**Công ty TNHH ĐT&XD Quang Minh HD
Miền trung**
140 đường Đinh Văn Chắp, Đà Nẵng.

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: quý khách hàng

Công ty TNHH ĐT&XD Quang Minh HD Miền trung xin trân trọng báo giá mặt hàng nhôm như sau:

STT	Mã hàng	Tên hàng hóa	ĐVT	Đơn giá (Vnd/kg)	Ghi chú
1	NHOMTHAH	Nhôm thanh	Kg	92.700	
2	NHOMTHANHTD	Nhôm thanh sơn tĩnh điện	Kg	88.000	

Ghi chú:

- Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT 10%
- Báo giá có hiệu lực trong vòng cho đến khi có báo giá mới thay thế báo giá này

Mọi chi tiết vui lòng xin liên hệ:

Mr Khánh, di động Email

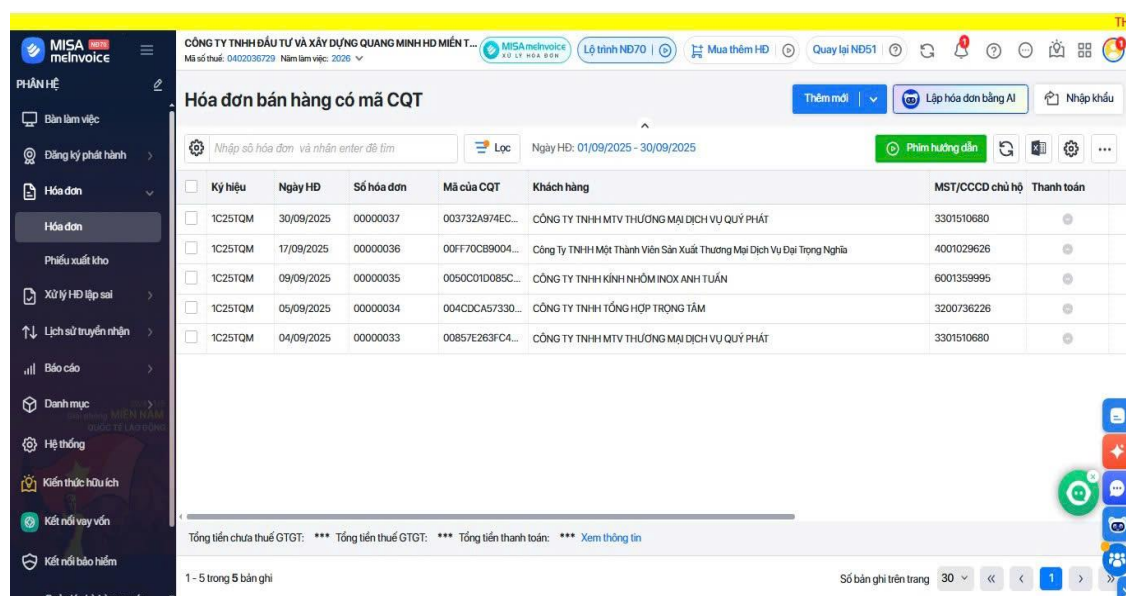
Trân trọng kính chào!

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 09 năm 2025.
**CÔNG TY QUANG MINH HD
MIỀN TRUNG**

Bảng báo giá

Ngày 05/09/2025, công ty TNHH tổng hợp Trọng tâm gửi đơn đặt hàng. Kế toán nhận đơn đặt hàng và gửi đơn đặt hàng yêu cầu nhân viên kho báo cáo số liệu hàng tồn kho. Đơn đặt hàng được xét duyệt, kế toán thông báo cho khách hàng về việc tiếp nhận đơn đặt hàng. Căn cứ vào đơn đặt hàng, kế toán công nợ lập phiếu xuất kho, thủ kho lập biên bản giao nhận hàng hóa và tiến hành giao hàng cho công ty TNHH tổng hợp Trọng Tâm.

- Dựa vào phiếu xuất kho kiêm giao hàng kế toán tiến hành xuất hóa đơn giá trị gia tăng tại <https://www.meinvoice.vn/>



Tại phân hệ hóa đơn, kế toán lựa chọn chức năng Hóa đơn → Thêm mới, sau đó chọn ký hiệu hóa đơn phù hợp và thực hiện khai báo đầy đủ các thông tin về người mua, hàng hóa, dịch vụ, đơn giá, thuế suất thuế GTGT theo đúng nội dung giao dịch phát sinh. Sau khi hoàn tất việc nhập liệu, kế toán sử dụng chức năng xem trước hóa đơn để kiểm tra lại các thông tin, đồng thời gửi hóa đơn nháp cho khách hàng kiểm tra và xác nhận. Khi khách hàng xác nhận thông tin trên hóa đơn là chính xác, kế toán tiến hành ký số hóa đơn GTGT, gửi hóa đơn điện tử qua email cho khách hàng, đồng thời in hóa đơn để lưu trữ và nhập liệu vào phần mềm.

MISA

meInvoice

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUANG MINH HO MIỀN TRUNG

Mã số thuế: 0420036729 Năm làm việc: 2025

MISA meInvoice

Liên hệ NĐ70

Mua thêm HĐ

Quay lại NĐ51

Đơn vị bán hàng:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUANG MINH HO MIỀN TRUNG

Mã số thuế:

0420036729

Địa chỉ:

140 Đinh Văn Chấp, Phường Hòa Xuân, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam.

MST/CCCD chủ hộ:

3200736226

Lấy thông tin

KT định trạng hoạt động của KH

MSDVQHNS

Mã đơn vị:

Tên đơn vị:

CÔNG TY TNHH TỔNG HỢP TRỌNG TÂM

Địa chỉ:

Số 59 Lý Thường Kiệt, Phường Nam Đồng Hà, Quận Tả, Việt Nam.

Người mua hàng:

Email:

Số điện thoại:

CCCD người mua:

Số hộ chiếu:

Hình thức TT:

Chuyển khoản

Tên ngân hàng:

☐ Lập kèm bảng kê hàng hóa, dịch vụ. [Xem hướng dẫn](#)

Hàng hóa/Dịch vụ

☒ Hiện cột "Tỉnh chất H-HV"

Chất khấu: Không có chất khấu

STT	Tỉnh chất H-HV	Tên hàng hóa/Dịch vụ	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	% Thuế	Tỷ lệ
1	Hàng hóa, dịch vụ	NHOM THANH I		55,81	92,700	5,173,587	10%	
2	Hàng hóa, dịch vụ			1,00	0	0	10%	

Thêm dòng

Thêm ghi chú

Tổng tiền hàng:

5,173,587

Thêm trường mở rộng

Gửi hóa đơn nhập

Xem trước

Hủy bỏ

Lưu

Lưu và Phát hành

Ký hiệu:

1C26TQM

Số:

<Chưa cấp số>

Kiểm tra thông tin dựa chỉ người mua, người bán theo thay đổi địa chỉ hành chính từ 01/07/2025. Xem chi tiết

Giao diện phần mềm xuất hoá đơn

Kế toán xuất hoá đơn giá trị gia tăng số 34 và gửi cho công ty TNHH tổng hợp Trọng Tâm, mặt hàng nhôm thanh thuộc nhóm kim loại, vật liệu xây dựng, không nằm trong danh mục hàng hóa được giảm thuế GTGT theo các nghị định của Chính phủ. Do đó, công ty áp dụng thuế suất GTGT 10% theo quy định hiện hành.

Kế toán căn cứ vào Hoá đơn GTGT ghi nhận vào phần mềm Trí Việt: Vào phần mềm chọn “kế toán bán hàng và công nợ phải thu” → “Hoá đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho” để nhập dữ liệu vào phần mềm

Bấm vào “thêm” để nhập dữ liệu các thông tin

Ngày chứng từ 05/09/2025 số chứng từ 000002 (Số chứng từ 000002 là hoá đơn bán hàng thứ 2 trong tháng 9 được lập, số chứng từ do phần mềm tự động cấp theo trình tự phát sinh trong kỳ và sẽ được phần mềm tự động chạy lại khi qua tháng mới.)

Giao diện hoá đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho phần mềm Trí Việt

Phần mềm sẽ tự cập nhập vào “phiếu kế toán”

Đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRUNG
Địa chỉ: 140 đường Đinh Văn Chắp

PHIẾU KẾ TOÁN Số CT: 000002
Ngày 05 tháng 09 năm 2025 CT gốc:

Tên đối tượng: CÔNG TY TNHH TỔNG HỢP TRỌNG TÂM
Địa chỉ: Số 49 Lý Thường Kiệt, Phường Đồng Lương, Thành phố Đông Hà, Quảng Trị
Lý do: Bán hàng: Nhóm thanh

STT	Diễn giải	Ghi nợ	Ghi có	Số tiền
1	Bán hàng: Nhóm thanh	131	5111	5,173,587
2	Thuế GTGT đầu ra	131	33311	517,359
	Tổng cộng			5,690,946

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Nguyễn Văn Khánh

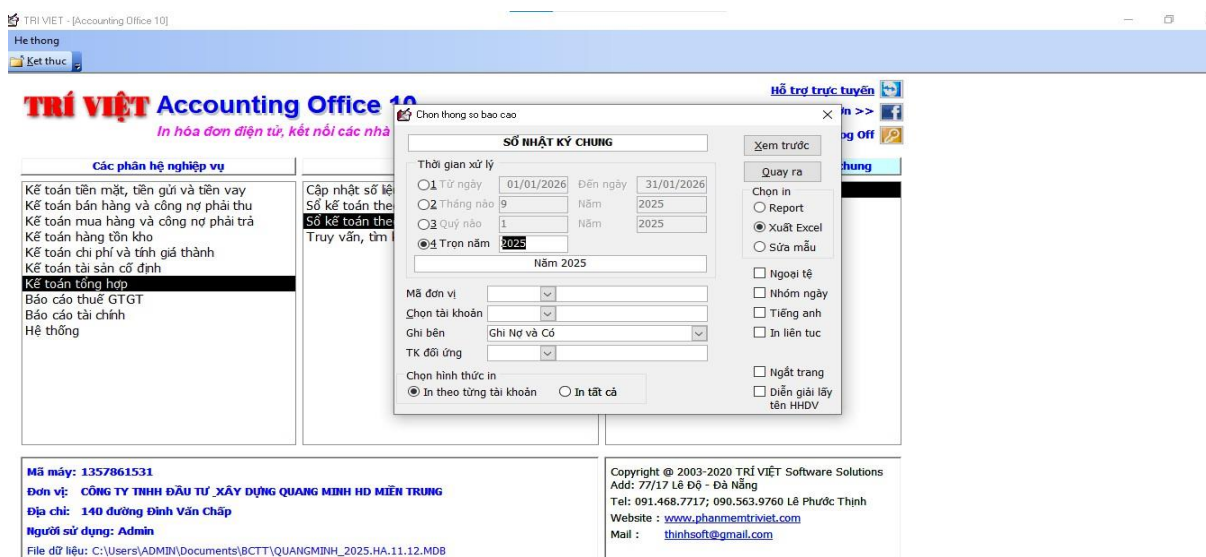
Trần Thị Như Ngọc

Phiếu kế toán số 000002

Sau khi nhập liệu, các số liệu sẽ được phần mềm tự động cập nhập lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511, sổ chi tiết TK 5111

Thao tác xem sổ:

Vào phân hệ “kế toán tổng hợp” → Chọn “hình thức ghi sổ theo hình thức nhật ký chung” → chọn “sổ nhật ký chung” năm 2025 bấm xem trước.



Giao diện Chọn Sổ nhật ký chung phần mềm Trí Việt

Thao tác xem "Sổ chi tiết tài khoản":

Vào phân hệ "Tổng hợp" → Chọn “hình thức ghi sổ theo hình thức nhật ký chung” → "Sổ chi tiết tài khoản", chọn năm 2025, chọn tài khoản 5111 chọn "xem" để xem.

TRI VIỆT Accounting Office 10
In hóa đơn điện tử, kết nối các nhà

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Thời gian xử lý: 01/04/2026 Đến ngày: 30/04/2026

☐ 1 Từ ngày ☐ 2 Tháng nào ☐ 3 Quý nào ☒ 4 Trọn năm 2025

Năm 2025

Mã đơn vị:

Chọn tài khoản: 5111

Ghi bên: Ghi Nợ và Có

TK đối ứng:

Chọn hình thức in: ☒ In theo từng tài khoản ☐ In tất cả ☐ Có số HD

Xem trước
Quay ra

Chọn in:
☐ Report
☒ Xuất Excel
☐ Sửa mẫu

☐ Ngoại tệ
☐ Nhóm ngày
☐ Tiếng anh
☐ In liên tục
☐ Tách tháng
☐ Ngắt trang
☐ Diễn giải lấy tên HHĐV

Mã máy: 1357861531
Đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ_XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRUNG
Địa chỉ: 140 đường Đinh Văn Chấp
Người sử dụng: Admin
File dữ liệu: C:\Users\ADMIN\Downloads\QUANGMINH_2025.NUONG.MDB

Copyright © 2003-2020 TRI VIỆT Software Solutions
Add: 77/17 Lê Độ - Đà Nẵng
Tel: 091.468.7717; 090.563.9760 Lê Phước Thịnh
Website: www.phanmemtriviet.com
Mail: trinhsoft@gmail.com

Thao tác xem "Sổ cái":

Vào phân hệ "Tổng hợp" → Chọn “hình thức ghi sổ theo hình thức nhật ký chung” → "Sổ cái" chọn năm 2025, chọn tài khoản 511, chọn "xem" để xem.

TRI VIỆT Accounting Office 10
In hóa đơn điện tử, kết nối các nhà

SỔ CÁI

Thời gian xử lý: 01/04/2026 Đến ngày: 30/04/2026

☐ 1 Từ ngày ☐ 2 Tháng nào ☐ 3 Quý nào ☒ 4 Trọn năm 2025

Năm 2025

Mã đơn vị:

Chọn tài khoản: 511

Ghi bên: Ghi Nợ và Có

TK đối ứng:

Chọn hình thức in: ☒ In theo từng tài khoản ☐ In tất cả ☐ Có số HD

Xem trước
Quay ra

Chọn in:
☐ Report
☒ Xuất Excel
☐ Sửa mẫu

☐ Ngoại tệ
☐ Nhóm ngày
☐ Tiếng anh
☐ In liên tục
☐ Tách tháng
☐ Ngắt trang
☐ Diễn giải lấy tên HHĐV

Mã máy: 1357861531
Đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ_XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRUNG
Địa chỉ: 140 đường Đinh Văn Chấp
Người sử dụng: Admin
File dữ liệu: C:\Users\ADMIN\Downloads\QUANGMINH_2025.NUONG.MDB

Copyright © 2003-2020 TRI VIỆT Software Solutions
Add: 77/17 Lê Độ - Đà Nẵng
Tel: 091.468.7717; 090.563.9760 Lê Phước Thịnh
Website: www.phanmemtriviet.com
Mail: trinhsoft@gmail.com

Giao diện xem sổ cái TK 511

Trích sổ chi tiết 5111

Đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRUNG
Địa chỉ: 140 đường Đinh Văn Chắp

Mẫu số: S19-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa

CHUNG TỪ		MÃ KH	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT				NỢ	CÓ
			Tồn đầu kỳ		0	0
10/01	000001	DAIDUNG	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	4,279,959
22/01	000002	CUADEP	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	45,455,445
31/01	KC-000001		KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	911	49,735,404	0
10/02	000001	QUYPHAT	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	101,836,512
28/02	KC-000001		KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	911	167,096,385	0
....						
31/03	KC-000001		KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	911	103,709,052	0
17/04	000001	QUYPHAT	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	9,701,055
....						
14/05	000001	PHUCQUANG	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	45,454,518
27/05	000002	HONGLE	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	15,454,944
27/05	000003	THUONGPHAT	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	33,796,566
....						
06/06	000001	THUONGPHAT	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	23,476,275
06/06	000002	DAIDUNG	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	30,774,546
....						
04/07	000001	THUONGPHAT	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	39,492,981
07/07	000002	GOLD	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	4,458,870
07/07	000003	THUATHIEN	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	24,390,297
....						
04/09	000001	QUYPHAT	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	9,317,277
05/09	000002	TRONGTAM	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	5,173,587
09/09	000003	ANHTUAN	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	379,255,167
....						
16/10	000001	ANHTUAN	Bán hàng	131	0	49,312,470
16/10	000001	ANHTUAN	Bán hàng	131	0	399,911,508
....						
17/10	000003	GIATRAN	Bán hàng: Nhôm thanh sơn tĩnh điện	131	0	4,363,920
31/10	KC-000001		KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	911	457,951,818	0
06/11	000001	ANHTUAN	Bán hàng: Nhôm thanh sơn tĩnh điện	131	0	487,458,400
30/11	KC-000001		KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	911	487,458,400	0
11/12	000004	ANHTUAN	Bán hàng	131	0	29,406,960
23/12	000005	THEHANH	Bán hàng: Nhôm thanh sơn tĩnh điện	131	0	23,000,000
....						
31/12	KC-000001		KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	911	265,094,120	0
			Tổng cộng phát sinh		2,474,463,276	2,474,463,276
			Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		2,474,463,276	2,474,463,276
			Số dư cuối kỳ		0	0

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

TP Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Sổ chi tiết TK 5111

Trích xem sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRUNG
140 đường Đinh Văn Cháp

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

[illegible]

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Giám đốc

Trần Thị Như Ngọc

Nguyễn Văn Khánh

Sổ nhật ký chung

Trích xem sổ cái TK 511

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRUNG
140 đường Đinh Văn Chắp

SỔ CÁI

Năm 2025

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
10/01	000001	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	4,279,959
22/01	000002	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	45,455,445
31/01	KC-000001	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	911	49,735,404	0
****	****	****	****	****	****
26/02	000002	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	42,907,122
26/02	000003	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	22,352,751
28/02	KC-000001	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	911	167,096,385	0
10/03	000001	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	103,709,052
31/03	KC-000001	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	911	103,709,052	0
17/04	000001	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	9,701,055
22/04	000002	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	6,114,492
30/04	KC-000001	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	911	15,815,547	0
****	****	****	****	****	****
27/05	000002	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	15,454,944
27/05	000003	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	33,796,566
28/05	000004	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	15,388,200
****	****	****	****	****	****
30/06	KC-000001	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	911	181,552,950	0
04/07	000001	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	39,492,981
07/07	000002	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	4,458,870
07/07	000003	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	24,390,297
****	****	****	****	****	****
04/09	000001	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	9,317,277
05/09	000002	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	5,173,587
09/09	000003	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	379,255,167
17/09	000004	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	16,024,122
30/09	000005	Bán hàng: Nhôm thanh	131	0	7,666,290
30/09	KC-000001	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	911	417,436,443	0
16/10	000001	Bán hàng	131	0	49,312,470
16/10	000001	Bán hàng	131	0	399,911,508
****	****	****	****	****	****
23/12	000005	Bán hàng: Nhôm thanh sơn tĩnh điện	131	0	23,000,000
23/12	000006	Bán hàng: Nhôm thanh sơn tĩnh điện	131	0	117,475,600
****	****	****	****	****	****
31/12	000008	Bán hàng: Nhôm thanh sơn tĩnh điện	131	0	30,899,020
31/12	000009	Bán hàng: Nhôm thanh sơn tĩnh điện	131	0	55,171,100
31/12	KC-000001	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	911	265,094,120	0
		Tổng cộng phát sinh		2,474,463,276	2,474,463,276
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		2,474,463,276	2,474,463,276
		Số dư cuối kỳ		0	0

.....Ngày.....tháng.....năm.....
kế toán trưởng

Sổ cái TK 511

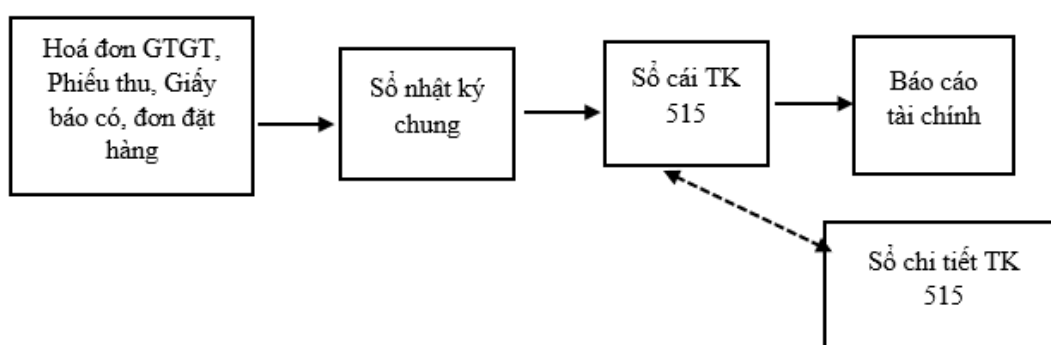
➤ Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- Trong năm 2025, công ty không phát sinh nghiệp vụ giảm trừ doanh thu

2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung

a) Chứng từ sử dụng

- Sổ phụ ngân hàng
 - Giấy báo có...
- b) Tài khoản sử dụng
- TK 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính”
- c) Sổ sách sử dụng
- Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 515
 - Sổ chi tiết TK 515
- d) Trình tự ghi sổ



- e) Nghiệp vụ minh hoạ

Nghiệp vụ 1: ngày 31/07/2025 Công ty nhận giấy báo có của ngân hàng Sacombank với số tiền 2,210 VND

https://epayment.sacombank.com/payment/sma_printCreditAction.svu

Sacombank **GIẤY BÁO CÓ CREDIT ADVISE** Số chứng từ/Ref No : 040095180487-20250731
 Ngày hiệu lực/Value Date: 31/07/2025 User in/User ID : nhitta33146
 Ngày/Date : 03/10/2025 09:12:58

Tên Cá nhân/Đơn vị chuyển (Sender's name):
Địa chỉ (Address):
Mã số thuế (Tax Code):
Số tài khoản (Account number):
Tại Ngân hàng (At Bank):

Tên Cá nhân/Đơn vị nhận (Beneficiary's name): CONG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUANG MINH HO MIEN TRUNG
Địa chỉ (Address): LO 37,38,39 DUONG DINH VAN CHAP, Phường Hoa Xuan Quan Cam Le TP DA NANG
Tài khoản ghi Có (Credit Account): 040095180487
Tại Sacombank CN/PGD (At Sacombank Branch): CHI NHANH DA NANG
Mã số thuế Chi nhánh (Branch Tax Code): 0301103908-020

Chi tiết giao dịch (Transaction details):
Số tiền ghi Có (Credit Amount): 2,210 VND
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai ngàn hai trăm mười đồng
Diễn giải (Remarks): CHI LAI TK TIEN GUI 040095180487
PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG (FOR SACOMBANK'S SECTION):

Kế toán Accountant **Kiểm soát viên Authoriser** **Trưởng đơn vị Manager**

Giấy báo có tiền lãi ngân hàng Sacombank

Các bước nhập liệu vào phần mềm

Tại phân hệ “Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay” → “Cập nhập số liệu”
 “Phiếu thu tiền gửi (Giấy báo có)”

Đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 140 đường Đinh Văn Chắp

Mẫu số: S19-DNN

Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC)

(ngày 26/8/2016 của BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

CHỨNG TỪ		MÃ KH	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT				NỢ	CÓ
			Tồn đầu kỳ		0	0
31/01	000002	SACOMB	Ngân hàng tính lãi	1121	0	1,591
31/01	KC-000002		KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	1,591	0
28/02	000003	SACOMB	Ngân hàng tính lãi	1121	0	1,161
28/02	KC-000002		KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	1,161	0
31/03	000002	SACOMB	Ngân hàng tính lãi	1121	0	2,200
31/03	KC-000002		KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	2,200	0
30/04	000002	SACOMB	Lãi tiền gửi	1121	0	297
30/04	KC-000002		KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	297	0
31/05	000002	SACOMB	Ngân hàng tính lãi	1121	0	968
31/05	KC-000002		KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	968	0
30/06	000007	SACOMB	Ngân hàng tính lãi	1121	0	4,583
30/06	KC-000002		KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	4,583	0
31/07	000009	SACOMB	Ngân hàng tính lãi	1121	0	2,210
31/07	KC-000002		KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	2,210	0
31/08	000003	SACOMB	Ngân hàng tính lãi	1121	0	2,366
31/08	KC-000001		KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	2,366	0
30/09	000008	SACOMB	Ngân hàng tính lãi	1121	0	6,313
30/09	KC-000002		KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	6,313	0
31/10	000004	SACOMB	Ngân hàng tính lãi	1121	0	1,872
31/10	KC-000002		KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	1,872	0
30/11	000002	SACOMB	Ngân hàng tính lãi	1121	0	1,760
30/11	KC-000002		KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	1,760	0
31/12	000008	SACOMB	Ngân hàng tính lãi	1121	0	1,923
31/12	KC-000002		KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	1,923	0
			Tổng cộng phát sinh		27,244	27,244
			Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		27,244	27,244
			Số dư cuối kỳ		0	0

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

TP Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Trần Thị Như Ngọc

Nguyễn Văn Khánh

Sổ chi tiết TK 515

Trích sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRUNG
140 đường Đinh Văn Cháp

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

NGÀY GHI SỐ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Dã ghi số cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
02/01	000001	02/01	Kết chuyển lãi lỗ đầu năm				
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	X	4211	330,545,338	0
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	X	4212	0	330,545,338
02/01	000004	02/01	Chỉ trả cước viễn thông				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	12,974
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	1,179	0
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	11,795	0
26/02	000004	26/02	Chi công tác phí (tiền phòng)				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	380,000
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	28,148	0
			Chi phí bán hàng	X	6421	351,852	0
26/07	000007	26/07	Chi đổ dầu xe				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	1,000,000
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	74,074	0
			Chi phí bán hàng	X	6421	925,926	0
31/07	000009	31/07	Chi phí bán hàng	X	6421	925,926	0
			Ngân hàng tính lãi				
			Tiền Việt Nam	X	1121	2,210	0
			Doanh thu hoạt động tài chính	X	515	0	2,210
12/09	000001	12/09	thu tiền CKN 552030				
			Tiền Việt Nam	X	1121	417,181,000	0
			Phải thu của khách hàng	X	131	0	417,181,000
15/09	000001	15/09	Thanh toán tiền hàng				
			Tiền Việt Nam	X	1121	0	415,000,000
			Phải trả cho người bán	X	331	415,000,000	0
30/11	000002	30/11	Ngân hàng tính lãi				
			Tiền Việt Nam	X	1121	1,760	0
31/12	234	31/12	Khấu hao Lốp xe tháng 12/2025				
			Chi phí trả trước	X	242	0	404,764
			Chi phí bán hàng	X	6421	404,764	0
31/12	KC-000001	31/12	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD				
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	265,094,120	0
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	0	265,094,120
			Doanh thu hoạt động tài chính	X	515	1,923	0
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	0	1,923
31/12	KC-000003	31/12	KC Giá vốn vào KQ SXKD				
			Giá vốn hàng bán	X	632	0	263,818,225
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	263,818,225	0
			TỔNG CỘNG			50,869,470,798	50,869,470,798

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Trần Thị Như Ngọc

Nguyễn Văn Khánh

Sổ nhật ký chung TK 515

SỔ CÁI

Năm 2025

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
31/01	000002	Ngân hàng tính lãi	1121		1,591
31/01	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	1,591	0
28/02	000003	Ngân hàng tính lãi	1121		1,161
28/02	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	1,161	0
31/03	000002	Ngân hàng tính lãi	1121		2,200
31/03	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	2,200	0
30/04	000002	Lãi tiền gửi	1121		297
30/04	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	297	0
31/05	000002	Ngân hàng tính lãi	1121		968
31/05	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	968	0
30/06	000007	Ngân hàng tính lãi	1121		4,583
30/06	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	4,583	0
31/07	000009	Ngân hàng tính lãi	1121		2,210
31/07	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	2,210	0
31/08	000003	Ngân hàng tính lãi	1121		2,366
31/08	KC-000001	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	2,366	0
30/09	000008	Ngân hàng tính lãi	1121		6,313
30/09	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	6,313	0
31/10	000004	Ngân hàng tính lãi	1121		1,872
31/10	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	1,872	0
30/11	000002	Ngân hàng tính lãi	1121		1,760
30/11	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	1,760	0
31/12	000008	Ngân hàng tính lãi	1121		1,923
31/12	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	911	1,923	0
		Tổng cộng phát sinh		27,244	27,244
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		27,244	27,244
		Số dư cuối kỳ		0	0

.....Ngày.....tháng.....năm.....
kế toán trưởng

Sổ cái TK 515

2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác tại công ty TNHH Quang Minh HD Miền Trung

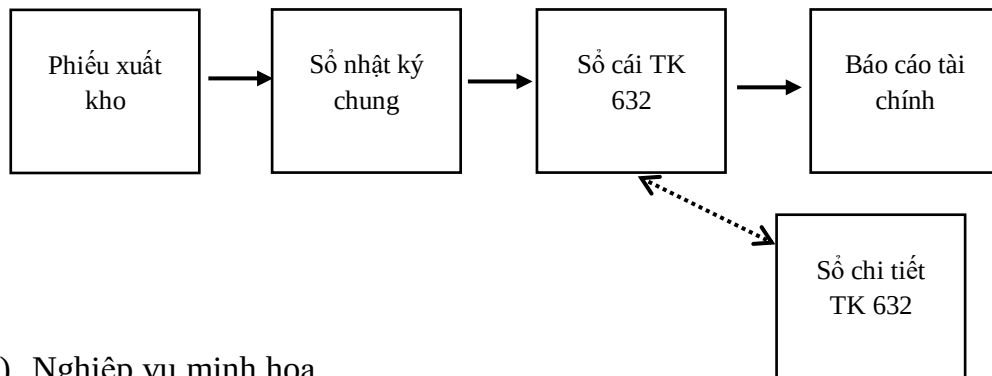
- Tài khoản sử dụng: TK 711 “Thu nhập khác”. Trong năm 2025 công ty không phát sinh TK 711

2.2.2. Kế toán các khoản chi phí tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung

- Chứng từ sử dụng
 - Phiếu xuất kho
- Tài khoản sử dụng
 - TK 632 – “Giá vốn hàng bán”
- Sổ sách sử dụng
 - Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 632
 - Sổ chi tiết TK 632

d) Trình tự ghi sổ



e) Nghiệp vụ minh họa

Ngày 05/09/2025, Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Quang Minh thực hiện xuất bán mặt hàng nhôm thanh cho Công ty TNHH tổng hợp Trọng Tâm. Căn cứ vào hóa đơn GTGT 00000034, kế toán tiến hành nhập liệu vào hoá đơn bán hàng và phiếu xuất kho. Công ty đã xuất kho 55,81 kg nhôm thanh với đơn giá chưa thuế là 89,447 đồng/kg.

Dựa trên các thông tin đã nhập và phương pháp tính giá xuất kho được thiết lập sẵn, phần mềm kế toán tự động xác định giá vốn của lô hàng xuất bán là 4.992.065 đồng.

Hoá Đơn Bán Hàng Kiểm Phiếu Xuất Kho : 25-09-529-7771 (F10 xem nhanh h:ng tên kho)

Hoá Đơn Bán Hàng Kiểm Phiếu Xuất Kho

Khách hàng: TRONGTAM | Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây dựng Trọng Tâm | Ngày CT: 05/09/2025 | Số CT: 000002 | Hạn t.toán: 0

Họ tên n. mua: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRỌNG TÂM | Phương thức TT: Ghi sổ công nợ | PT giao hàng: PT giao hàng

Lý do chứng từ: Bán hàng: Nhôm thanh | Mã NV quản lý: | Chọn giá bán: 1. Giá chung

Địa chỉ: Số 49 Lý Thường Kiệt, Phường Đồng Lương, Thành phố | Nhân viên Order: | Đ. chỉ giao hàng: |

Chi tiết chứng từ: ☐ Hóa đơn có giá chiết khấu

Mã H.H	Tên hàng hóa	VAT	ĐVT	Số lượng	Giá chưa	Tiền chưa V	Giá vốn	Tiền vốn	TK Nợ	TK Có	TK Nợ (gv)	TK Có (kho)	Diễn giải bút toán
NHOMTH	Nhôm thanh	10	Kg	55.81	92,700	5,173,587	89,447	4,992,065	131	5111	632	156	Bán hàng: Nhôm thanh

Record: 1 of 1

Ký hiệu	Seri HĐ	Ngày hoá đơn	VAT	Tiền hàng	Tiền VAT	MaKH	Tên cơ sở KD
C25TQM	00000034	05/09/2025	10	5,173,587	517,359		CÔNG TY CỔ PHẦN V

Tính VAT: Thuế - Ghi Nợ 131 | Ghi Có 33311 | Vụ việc: |

Hàng hóa: NHOMTH / tên (kho CHÍNH) : 8,716.62; Chưa thanh toán

Khóa sổ / Mở sổ | Phiếu thu | Thẻ kho | Khoá DL | Thêm | Xóa | In hoá đơn | Phiếu xuất | Phiếu B.hàng | Phiếu KT | Quay ra

Record: 1 of 1 (Filtered)

Tổng tiền vốn: 4,992,065
 Tiền CK: 0
 Tiền hàng: 5,173,587
 Tiền hàng sau CK: 5,173,587
 Tiền thuế: 517,359
 Tổng hoá đơn: 5,690,946
 Tổng hạch toán: 5,690,946

Giao diện nhập liệu hoá đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho trên phần mềm

Sau khi xuất kho hàng bán. Kế toán tiến hành lập phiếu xuất kho trên phần mềm



PHIẾU XUẤT KHO KIÊM GIAO HÀNG

Ngày 5 tháng 9 năm 2025

Số: 000002

Nr: 632

Có: 156

Họ tên người giao nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRỌNG TÂM

Địa chỉ: Số 49 Lý Thường Kiệt, Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Quảng Trị

Lý do: Bán hàng: Nhôm thanh

Tại kho: Kho chính

TT	Mã VT	Tên Vật Tư	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	NHOMTH	Nhôm thanh	Kg	55.81	89,447	4,992,065
Tổng cộng tiền hàng						4,992,065

Tổng số tiền (bằng chữ): Bốn triệu chín trăm chín mươi hai ngàn sáu mươi lăm đồng

Ngày tháng năm

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Phiếu xuất kho số 0000003

➤ Phụ lục 2 Sổ chi tiết TK 156

Trích sổ chi tiết TK 632

Đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRUNG
Địa chỉ: 140 đường Đinh Văn Chắp

Mẫu số: S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC)
(ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

CHỨNG TỪ		MÃ KH	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT				NỢ	CÓ
			Tồn đầu kỳ		0	0
10/01	000001	DAIDUNG	Bán hàng: Nhôm thanh	156	4,129,791	0
22/01	000002	CUADEP	Bán hàng: Nhôm thanh	156	43,860,578	0
31/01	KC-000003		KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	47,990,369
.....						
26/02	000002	DAIDUNG	Bán hàng: Nhôm thanh	156	41,401,666	0
10/03	000001	QUYPHAT	Bán hàng: Nhôm thanh	156	100,070,277	0
.....						
27/05	000002	HONGLE	Bán hàng: Nhôm thanh	156	14,912,686	0
27/05	000003	THUONGPHAT	Bán hàng: Nhôm thanh	156	32,610,767	0
.....						
.....						
06/06	000001	THUONGPHAT	Bán hàng: Nhôm thanh	156	22,652,577	0
.....						
09/06	000003	THUONGPHAT	Bán hàng: Nhôm thanh	156	17,345,658	0
13/06	000004	DAIDUNG	Bán hàng: Nhôm thanh	156	8,857,985	0
.....						
.....						
11/07	000005	GOLD	Bán hàng: Nhôm thanh	156	4,302,424	0
16/07	000006	THUONGPHAT	Bán hàng: Nhôm thanh	156	19,548,750	0
.....						
05/09	000002	TRONGTAM	Bán hàng: Nhôm thanh	156	4,992,065	0
.....						
30/09	000005	QUYPHAT	Bán hàng: Nhôm thanh	156	7,397,308	0
30/09	KC-000003		KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	402,790,110
16/10	000001	ANH Tuan	Bán hàng	156	49,274,380	0
.....						
16/10	000002	GIATRAN	Bán hàng: Nhôm thanh sơn tĩnh điện	156	4,310,998	0
17/10	000003	GIATRAN	Bán hàng: Nhôm thanh sơn tĩnh điện	156	4,310,998	0
.....						
06/11	000001	ANH Tuan	Bán hàng: Nhôm thanh sơn tĩnh điện	156	486,180,261	0
.....						
31/12	000009	ANH Tuan	Bán hàng: Nhôm thanh sơn tĩnh điện	156	54,493,152	0
.....						
			Tổng cộng phát sinh		2,413,386,116	2,413,386,116
			Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		2,413,386,116	2,413,386,116
			Số dư cuối kỳ		0	0

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Trần Thị Như Ngọc

TP Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Nguyễn Văn Khánh

Sổ chi tiết TK 632

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

NGÀY Y GHI SỐ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi số cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
02/01	000001	02/01	Kết chuyển lãi lỗ đầu năm				
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	X	4211	330,545,338	0
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	X	4212	0	330,545,338
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
12/03	000001	12/03	Thu tiền bán hàng HD 5+6				
			Tiền Việt Nam	X	1121	138,667,983	0
			Phải thu của khách hàng	X	131	0	138,667,983
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
17/03	000001	17/03	Rút tiền gửi NH nhập quỹ tiền mặt				
			Tiền Việt Nam	X	1111	135,000,000	0
			Tiền Việt Nam	X	1121	0	135,000,000
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
27/05	000002	27/05	Bán hàng: Nhôm thanh				
			Phải thu của khách hàng	X	131	17,000,438	0
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	15,454,944
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	1,545,494
			Giá vốn hàng bán	X	632	14,912,686	
			Hàng hóa	X	156		14,912,686
27/05	000002	27/05	Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số : 00000010				
			Tiền Việt Nam	X	1111	17,000,438	0
			Phải thu của khách hàng	X	131	0	17,000,438
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
05/09	000002	05/09	Bán hàng: Nhôm thanh				
			Phải thu của khách hàng	X	131	5,690,946	0
			Thuế GTGT đầu ra	X	33311	0	517,359
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	0	5,173,587
			Giá vốn hàng bán	X	632	4,992,065	0
			Hàng hóa	X	156	0	4,992,065
20/10	000003	20/10	Thu tiền bán hàng				
			Tiền Việt Nam	X	1121	122,351,000	0
			Phải thu của khách hàng	X	131	0	122,351,000
30/11	224	30/11	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 11/2025				
			Chi phí trả trước	X	242	0	31,079
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	31,079	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
23/12	000006	23/12	Thu tiền hàng CKN 778039				
			Tiền Việt Nam	X	1121	25,300,000	0
			Phải thu của khách hàng	X	131	0	25,300,000
23/12	000010	23/12	Chi thanh toán phòng nghỉ				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	346,500
			Chi phí bán hàng	X	6421	346,500	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****	*****
TỔNG CỘNG						50,869,470,798	50,869,470,798

TP Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trần Thị Như Ngọc

Nguyễn Văn Khánh

sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRỊ
140 đường Đinh Văn Chắp

SỔ CÁI

Năm 2025

Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

CHỨNG TỬ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
10/01	000001	Bán hàng: Nhôm thanh	156	4,129,791	0
22/01	000002	Bán hàng: Nhôm thanh	156	43,860,578	0
31/01	KC-000003	KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	47,990,369
*****	*****	*****	*****	*****	*****
10/03	000001	Bán hàng: Nhôm thanh	156	100,070,277	0
31/03	KC-000003	KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	100,070,277
*****	*****	*****	*****	*****	*****
29/05	000006	Bán hàng: Nhôm thanh	156	14,099,608	0
29/05	000007	Bán hàng: Nhôm thanh	156	12,899,223	0
31/05	KC-000003	KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	146,647,375
*****	*****	*****	*****	*****	*****
06/06	000002	Bán hàng: Nhôm thanh	156	29,694,779	0
13/06	000004	Bán hàng: Nhôm thanh	156	8,857,985	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****
25/06	000006	Bán hàng: Nhôm thanh	156	79,330,087	0
30/06	KC-000003	KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	175,182,914
*****	*****	*****	*****	*****	*****
07/07	000002	Bán hàng: Nhôm thanh	156	4,302,424	0
07/07	000003	Bán hàng: Nhôm thanh	156	23,534,530	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****
26/07	000010	Bán hàng: Nhôm thanh	156	10,457,306	0
29/07	000011	Bán hàng: Nhôm thanh	156	8,990,367	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****
05/09	000002	Bán hàng: Nhôm thanh	156	4,992,065	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****
30/09	000005	Bán hàng: Nhôm thanh	156	7,397,308	0
30/09	KC-000003	KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	402,790,110
16/10	000001	Bán hàng	156	49,274,380	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****
16/10	000002	Bán hàng: Nhôm thanh sơn tĩnh điện	156	4,310,998	0
17/10	000003	Bán hàng: Nhôm thanh sơn tĩnh điện	156	4,310,998	0
31/10	KC-000003	KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	443,776,437
*****	*****	*****	*****	*****	*****
30/11	KC-000003	KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	486,180,261
11/12	000004	Bán hàng	156	29,363,795	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****
23/12	000006	Bán hàng: Nhôm thanh sơn tĩnh điện	156	117,337,577	0
29/12	000007	Bán hàng: Nhôm thanh sơn tĩnh điện	156	9,131,713	0
31/12	000008	Bán hàng: Nhôm thanh sơn tĩnh điện	156	30,519,330	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****
31/12	KC-000003	KC Giá vốn vào KQ SXKD	911	0	263,818,225
		Tổng cộng phát sinh		2,413,386,116	2,413,386,116
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		2,413,386,116	2,413,386,116
		Số dư cuối kỳ		0	0

.....Ngày.....tháng.....năm.....
kế toán trưởng

Sổ cái TK 632

2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính tại công ty TNHH Đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung

a) Tài khoản sử dụng: TK 635

Trong năm 2025 công ty không phát sinh nghiệp vụ chi phí tài chính

2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung

a) Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi/ giấy báo nợ
- Sổ phụ ngân hàng
- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng tính khấu hao TSCĐ

b) Tài khoản sử dụng

- TK 642 – “Chi phí quản lý kinh doanh”

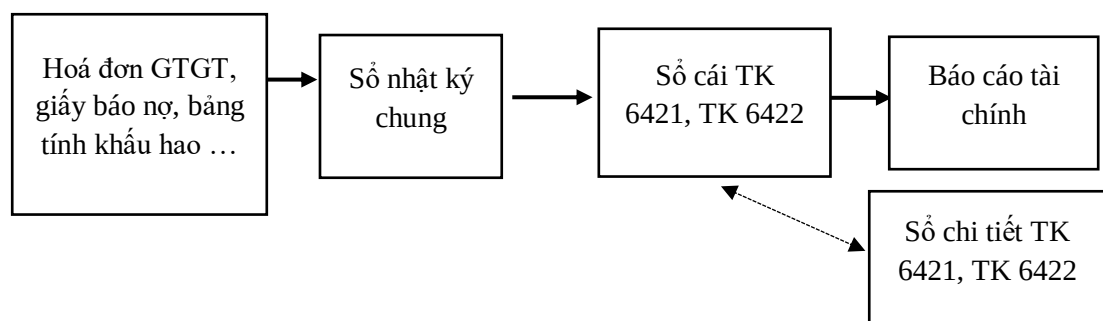
Tài khoản con

- TK 6421 – Chi phí bán hàng
- TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

c) Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 6421, TK 6422
- Sổ chi tiết TK 6421, TK 6422

d) Trình tự ghi sổ



e) Nghiệp vụ mình hoạ

➤ Nghiệp vụ TK 6421

Ngày 01/07/2025, doanh nghiệp phát sinh chi phí mua dầu DO 0.05S-II theo Hóa đơn GTGT số 493546 nhằm phục vụ hoạt động vận chuyển và giao hàng. Giá trị hàng mua chưa thuế là 925.926 đồng, thuế GTGT 8% là 74.074 đồng, tổng giá thanh toán 1.000.000 đồng (thanh toán tiền mặt)

CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC V
TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC V - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Địa chỉ: Số 122 Đường 2/9, P. Hòa Cường, TP Đà Nẵng, Việt Nam
Cửa hàng số: PETROLIMEX-Cửa hàng 33
Người mua hàng:
Đơn vị mua hàng: Công Ty TNHH Đầu Tư và Xây Dựng Quang Minh HD Miền Trung
Địa chỉ: Lô 37,38,39 đường Đình Văn Cháp, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng, Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Ngày 01 tháng 07 năm 2025 09:53

Mã số thuế: 0400101683

Biển số xe: 43C-238.28
MST/Mã QHNS: 0402036729
Phương thức thanh toán: TMCK

Ký hiệu: 1K25TTC
Số: 493546

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	DO 0.05S-II	Lít	51,706	17.907,41	925.926
Cộng tiền hàng:					925.926
Tiền thuế GTGT (8%)					74.074
Tiền phí khác:					
Tổng số tiền thanh toán:					1.000.000

Tổng số tiền thanh toán bằng chữ: Một triệu đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC V - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Ký ngày: 01/07/2025

Mã tra cứu: QYJLKIDE*

Website tra cứu: <https://hoadon.petrolimex.com.vn>

Giải pháp hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone)

MST: 0106869738 - Tel: 18001260

Scanned with
 CamScanner

Hoá đơn GTGT mua dầu xe

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT kế toán nhập liệu vào phần mềm vào phân hệ

“Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay” —→ “Phiếu chi tiền mặt” —→ bấm “thêm” để nhập liệu

Phiếu Chi Tiền Mặt
Copy

Kiểu giao dịch: Phiếu chi cho một đối tượng

Khách hàng DAU5 ... Công Ty Xăng Dầu Khu Vực V-Tnhh Một Th

Địa chỉ 122- đường 2/9 - Phường Bình Thuận - Quận Hải Châu - Đà Nẵng

Lý do chứng từ Chi đổ đầu xe CT gốc 493546

Người nhận tiền Công Ty Xăng Dầu Khu Vực V

Mã nhân viên **Số CT** 000002

Ngày CT 01/07/2025

1. Chi tiết hạch toán 2. Thanh toán cho các phiếu

TK Nợ	TK Có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Khoản mục phí
6421	1111	925,926	Chi đổ đầu xe		

Record: 1 of 1

Hóa đơn GTGT

Ký hiệu	Seri HD	Ngày HD	VAT	Tiền chưa VAT	Tiền VAT	MaKH	Tên cơ sở KD	Địa chỉ	Mã số thuế
K25TTC	493546	01/07/2025	8%	925,926	74,074		Công Ty Xăng Dầu Khu Vực V-T	122- đường 2/9	0400101683

Record: 1 of 1

Thuế - Ghi Nợ 1331 **Ghi Có** 1111 **Vụ việc**

Tổng chưa thuế 925,926 **Tổng hoá đơn** 1,000,000

Tổng thuế VAT 74,074 **Tổng hạch toán** 1,000,000

[Khóa sổ / Mở sổ](#) [Khoá DL](#) [Thêm phiếu](#) [Xoá phiếu](#) [In phiếu](#) [Ủy nhiệm chi](#) [Bảng kê](#) [Phiếu KT](#) [Quay ra](#)

Record: 1 of 1 (Filtered)

Giao diện nhập liệu phiếu chi tiền mặt

➤ Nghiệp vụ TK 6422

Kế toán dựa vào bảng tính khấu hao chi phí trả trước thực hiện phân bổ chi phí trả trước liên quan đến các tài sản phục vụ cho hoạt động quản lý như phần mềm và các chi phí hành chính khác theo bảng tính khấu hao chi phí trả trước.

Tiến hành hạch toán, khấu hao tự động vào phần mềm. Đây là các khoản chi phục vụ cho bộ phận quản lý doanh nghiệp, được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 6422).

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QUANG
MINH HD MIỀN TRUNG

BẢNG TÍNH KHẤU HAO CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Năm 2025

Mã	Tên tài sản	Ngày tính Phân bổ	Kỳ khấu hao (tháng)	Số Lượng	Nguyên giá	Giá trị đầu kỳ		Giá trị khấu hao trong kỳ	Giá trị cuối kỳ	
						Hao mòn	Còn lại		Hao mòn LK	Còn lại
					12,260,814	5,200,406	7,060,408	2,495,989	7,696,395	4,564,419
213.EB	Phần mềm E-BH	17/03/2021	36	1	1,100,000	1,100,000	0	0	1,100,000	0
2304.C	Chữ ký số báo cáo thuế	21/04/2023	36	1	2,800,000	1,611,105	1,188,895	951,108	2,562,213	237,787
2309.B	Bảo hiểm TNDS 43C-23828	27/09/2023	12	1	853,000	853,000	0	0	853,000	0
2309.D	Phí đường bộ 43C-23828	29/09/2023	6	1	1,593,000	1,593,000	0	0	1,593,000	0
2411.E	Phần mềm E-BH	19/11/2024	36	1	1,100,000	43,301	1,056,699	372,948	416,249	683,751
2510-L	Lốp xe	04/10/2025	12	2	4,814,814	0	4,814,814	1,171,933	1,171,933	3,642,881
6	Tổng cộng				12,260,814	5,200,406	7,060,408	2,495,989	7,696,395	4,564,419

Người lập

Kế toán trưởng

TP Đà Nẵng, Ngày tháng năm 20...

Giám đốc

Nguyễn Văn Khánh

Bảng tính khấu hao chi phí trả trước

Vào phân hệ “Kế toán tài sản cố định” → “Cập nhập tài sản” → “Hồ sơ tài sản”

Hiển thị
Đến ngày 31/12/2025
☒ Tất cả
☐ Còn khấu hao
☐ Hết khấu hao
☐ Thuê ngoài

Danh mục tài sản:

Mã TS	Tên tài sản	TK Nợ	TK Có	Số lượng	Đơn giá	Nguyên giá	Ngày sử dụng	Số năm KH	Ngày hết hạn SD	Tiền đã khấu hao	Tháng đã khấu hao	Tự động xử lý
213.EBH	Phần mềm E-BH	6422	242	1	1,100,000	1,100,000	17/03/2021	3	17/03/2024	1,023,099	33	☐
2304.CKS	Chữ ký số báo cáo thuế	6422	242	1	2,800,000	2,800,000	21/04/2023	3	21/04/2026	659,997	9	☒
2309.BAOI	Bảo hiểm TNDS 43C-23828	6422	242	1	853,000	853,000	27/09/2023	1	27/09/2024	239,526	4	☐
2309.DBO	Phí đường bộ 43C-23828	6421	242	1	1,593,000	1,593,000	29/09/2023	0.5	29/03/2024	962,800	4	☒
2411.EBH	Phần mềm E-BH	6422	242	1	1,100,000	1,100,000	19/11/2024	3	19/11/2027	0	0	☒
2510-LOP	Lốp xe	6421	242	2	2,407,407	4,814,814	04/10/2025	1	04/10/2026	0	0	☒
			2141	0	0					0	0	☐

Record: 14 of 7

Chon tháng kết chuyển sang tháng kế tiếp
Tháng 12 Năm 2025 Tính khấu hao

Phần mềm sẽ tự động cập nhập ngày hết hạn sử dụng, sau đó kế toán tính khấu hao bằng cách bấm “Tính khấu hao” phần mềm sẽ tự động tính

Accounting Office 10

Record: 6 of 7

Chọn tháng kết chuyển sang tháng kế tiếp

Tháng 12 Năm 2025 **Tính khấu hao**

Chi tiết khấu hao

Bạn đã tính xong khấu hao
Cuối Tháng 12/2025

OK

Chi tiết khấu hao

	Ngày xử lý	Mã tăng giảm	Diễn giải	Số khấu hao	Số khấu hao lũy kế	Trị giá còn lại
▶	30/11/2024	A01	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 11/2024	12,222	12,222	1,087,778
	31/12/2024	A01	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 12/2024	31,079	43,301	1,056,699
	31/01/2025	A01	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 1/2025	31,079	74,380	1,025,620
	28/02/2025	A01	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 2/2025	31,079	105,459	994,541
	31/03/2025	A01	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 3/2025	31,079	136,538	963,462
	30/04/2025	A01	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 4/2025	31,079	167,617	932,383
	31/05/2025	A01	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 5/2025	31,079	198,696	901,304
	30/06/2025	A01	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 6/2025	31,079	229,775	870,225
	31/07/2025	A01	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 7/2025	31,079	260,854	839,146
	31/08/2025	A01	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 8/2025	31,079	291,933	808,067
	30/09/2025	A01	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 9/2025	31,079	323,012	776,988

Giao diện tính khấu hao trên phần mềm

CHỨNG TỪ		MÃ KH	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT				NỢ	CÓ
			Tồn đầu kỳ		0	0
09/01	000001	KHANHTRANG	Chi công tác phí (tiền phòng)	1111	324,074	0
.....						
16/01	000011	MINHSANG	Chi công tác phí (tiền phòng)	1111	356,400	0
17/01	000003	THANHNHAN	Chi công tác phí (tiền phòng)	1111	370,370	0
.....						
20/02	000002	LAMTRA	Chi công tác phí (tiền phòng)	1111	296,296	0
.....						
28/02	KC-000004		KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	3,087,713
.....						
18/03	000014	TRIEUHOANG	Chi công tác phí (tiền phòng)	1111	231,481	0
20/03	000004	LAMTRA	Chi công tác phí (tiền phòng)	1111	462,963	0
.....						
28/03	000011	DAU5	Chi đồ dầu xe	1111	909,091	0
31/03	KC-000004		KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	5,584,400
.....						
06/05	000008	DAUKV5	Chi đồ dầu xe	1111	909,091	0
.....						
20/05	000005	DAUKV5	Chi đồ dầu xe	1111	909,091	0
28/05	000010	NGUYEN1	Chi công tác phí (tiền phòng)	1111	277,778	0
.....						
31/05	000012	HUUCHI	Chi công tác phí (tiền phòng)	1111	230,000	0
31/05	KC-000004		KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	5,281,171
04/06	000003	DAUKV5	Chi đồ dầu xe	1111	909,091	0
.....						
17/06	000007	DAU5	Chi đồ dầu xe	1111	909,091	0
20/06	000004	ANHPHAT	Chi công tác phí (tiền phòng)	1111	694,443	0
.....						
30/06	KC-000004		KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	4,330,807
01/07	000002	DAU5	Chi đồ dầu xe	1111	925,926	0
07/07	000004	DAU5	Chi đồ dầu xe	1111	925,926	0
.....						
25/07	000010	BAONAM	Chi công tác phí	1111	268,519	0
.....						
12/08	000004	DAU5	Chi đồ dầu xe	1111	925,926	0
19/08	000001	NGUYENTIN	Chi công tác phí	1111	273,148	0
.....						
.....						
08/09	000006	DAU5	Chi đồ dầu xe	1111	743,640	0
.....						
30/09	KC-000004		KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	4,927,196
01/10	000003	PETRO	Chi đồ dầu xe	1111	925,926	0
.....						
13/10	000006	PETRO	Chi đồ dầu xe	1111	925,926	0
.....						
04/11	000001	PETRO	Chi đồ dầu xe	1111	925,926	0
.....						
20/11	000006	PETRO	Chi đồ dầu xe	1111	925,926	0
12/12	000007	PETRO	Chi đồ dầu xe	1111	925,926	0
19/12	000002	DONGKHANH	Chi công tác phí	1111	231,481	0
20/12	000008	PETRO	Chi đồ dầu xe	1111	925,926	0
.....						
.....						
31/12	KC-000004		KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	4,686,449
31/12	234		Khấu hao Lốp xe tháng 12/2025	242	404,764	0
			Tổng cộng phát sinh		55,398,463	55,398,463
			Lũy kể từ tháng 1 đến tháng 12		55,398,463	55,398,463
			Số dư cuối kỳ		0	0

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

TP Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Trần Thị Như Ngọc

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Nguyễn Văn Khánh

Sổ chi tiết TK 6421

Đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRUNG
Địa chỉ: 140 đường Đinh Văn Chắp

Mẫu số: S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC)
(ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

CHỨNG TỪ NGÀY	SỐ CT	MÃ KH	KHÁCH HÀNG	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
						NỢ	CÓ
				Tồn đầu kỳ		0	0
02/01	000004	VIETTEL	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ D	Chi trả cước viễn thông	1111	11,795	0
.....							
.....							
31/01	203	N01		Khấu hao Chữ ký số bảo cáo thuế tháng 1/2025	242	79,259	0
31/01	204	N01		Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 1/2025	242	31,079	0
02/02	000006	VIETTEL	Tập Đoàn Công Nghiệp - Viễn Thông Quân	Chi trả cước viễn thông	1111	15,097	0
.....							
.....							
28/02	KC-000005			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	9,031,935
28/02	205	N01		Khấu hao Chữ ký số bảo cáo thuế tháng 2/2025	242	79,259	0
28/02	206	N01		Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 2/2025	242	31,079	0
31/03	000007	SMART	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SM	Lệ phí đăng kiểm	1111	40,000	0
.....							
31/03	207	N01		Khấu hao Chữ ký số bảo cáo thuế tháng 3/2025	242	79,259	0
31/03	208	N01		Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 3/2025	242	31,079	0
06/04	000006	MOBIFONE	CÔNG TY DỊCH VỤ MOBIFONE KHU	Chi trả cước viễn thông	1111	147,409	0
.....							
.....							
30/04	KC-000005			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	9,383,247
30/04	209	N01		Khấu hao Chữ ký số bảo cáo thuế tháng 4/2025	242	79,259	0
30/04	210	N01		Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 4/2025	242	31,079	0
06/05	000007	MOBIFONE	CÔNG TY DỊCH VỤ MOBIFONE KHU	Chi trả cước viễn thông	1111	146,455	0
.....							
.....							
31/05	KC-000005			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	9,215,884
31/05	211	N01		Khấu hao Chữ ký số bảo cáo thuế tháng 5/2025	242	79,259	0
31/05	212	N01		Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 5/2025	242	31,079	0
.....							
24/06	000002	SACOMB	Ngân Hàng Sacombank	Phi chuyển tiền	1121	19,000	0
.....							
.....							
30/06	000002			HT lương T06 vào phí	334	8,030,000	0
30/06	KC-000005			KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	9,108,383
30/06	213	N01		Khấu hao Chữ ký số bảo cáo thuế tháng 6/2025	242	79,259	0
30/06	214	N01		Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 6/2025	242	31,079	0
06/07	000003	MOBIFONE	CÔNG TY DỊCH VỤ MOBIFONE KHU	Cước dịch vụ viễn thông trả sau	1111	145,500	0
.....							
.....							
31/07	215	N01		Khấu hao Chữ ký số bảo cáo thuế tháng 7/2025	242	79,259	0
31/07	216	N01		Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 7/2025	242	31,079	0
27/08	000002	SACOMB	Ngân Hàng Sacombank	Phi quản lý tài khoản T8/2025	1121	90,000	0
.....							
.....							
31/08	217	N01		Khấu hao Chữ ký số bảo cáo thuế tháng 8/2025	242	79,259	0
31/08	218	N01		Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 8/2025	242	31,079	0
.....							
08/09	000007	MOBIFONE	CÔNG TY DỊCH VỤ MOBIFONE KHU	Điều chỉnh giảm do thanh toán bằng thẻ cào dịch	1111	-144,864	0
15/09	000005	SACOMB	Ngân Hàng Sacombank	Phi chuyển tiền	1121	19,000	0
.....							
.....							
30/09	219	N01		Khấu hao Chữ ký số bảo cáo thuế tháng 9/2025	242	79,259	0
30/09	220	N01		Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 9/2025	242	31,079	0
.....							
07/10	000005	MOBIFONE	Chi Nhánh Tổng Công Ty Viễn Thông Mob	Chi cước dịch vụ viễn thông	1111	144,545	0
.....							
.....							
31/10	221	N01		Khấu hao Chữ ký số bảo cáo thuế tháng 10/2025	242	79,259	0
31/10	222	N01		Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 10/2025	242	31,079	0
05/11	000002	MOBIFONE	Chi Nhánh Tổng Công Ty Viễn Thông Mob	(ĐC cho HD 1387943)Điều chỉnh giảm do thanh t	1111	-144,545	0
.....							
.....							
30/11	223	N01		Khấu hao Chữ ký số bảo cáo thuế tháng 11/2025	242	79,259	0
30/11	224	N01		Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 11/2025	242	31,079	0
04/12	000001	SACOMB	Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - C	Phi chuyển tiền	1121	19,000	0
.....							
.....							
31/12	225	N01		Khấu hao Chữ ký số bảo cáo thuế tháng 12/2025	242	79,259	0
31/12	226	N01		Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 12/2025	242	31,079	0
				Tổng cộng phát sinh		120,825,253	120,825,253
				Lấy kể từ tháng 1 đến tháng 12		120,825,253	120,825,253
				Số dư cuối kỳ		0	0

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

TP Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Sổ chi tiết TK 6422

SỐ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

NGÀY GHI SỐ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
02/01	000001	02/01	Kết chuyển lãi lỗ đầu năm				
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	X	4211	330,545,338	0
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	X	4212	0	330,545,338
31/01	204	31/01	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 1/2025				
			Chi phí trả trước	X	242	0	31,079
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	31,079	0
28/02	206	28/02	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 2/2025				
			Chi phí trả trước	X	242	0	31,079
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	31,079	0
31/03	208	31/03	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 3/2025				
			Chi phí trả trước	X	242	0	31,079
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	31,079	0
30/04	210	30/04	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 4/2025				
			Chi phí trả trước	X	242	0	31,079
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	31,079	0
31/05	212	31/05	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 5/2025				
			Chi phí trả trước	X	242	0	31,079
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	31,079	0
30/06	214	30/06	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 6/2025				
			Chi phí trả trước	X	242	0	31,079
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	31,079	0
01/07	000002	01/07	Chi đồ dầu xe				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	1,000,000
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	74,074	0
			Chi phí bán hàng	X	6421	925,926	0
31/08	218	31/08	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 8/2025				
			Chi phí trả trước	X	242	0	31,079
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	31,079	0
30/09	220	30/09	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 9/2025				
			Chi phí trả trước	X	242	0	31,079
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	31,079	0
31/10	222	31/10	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 10/2025				
			Chi phí trả trước	X	242	0	31,079
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	31,079	0
30/11	224	30/11	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 11/2025				
			Chi phí trả trước	X	242	0	31,079
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	31,079	0
31/12	226	31/12	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 12/2025				
			Chi phí trả trước	X	242	0	31,079
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	31,079	0
TỔNG CỘNG						50,869,470,798	50,869,470,798

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Giám đốc

Số nhật ký chung

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRỊ
140 đường Đinh Văn Chắp

SỔ CÁI

Năm 2025

Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
09/01	000001	Chi công tác phí (tiền phòng)	1111	324,074	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****
10/04	000003	Chi công tác phí (tiền phòng)	1111	462,962	0
11/04	000002	Chi công tác phí (tiền phòng)	1111	296,296	0
17/04	000005	Chi đồ dầu xe	1111	909,091	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****
31/05	000012	Chi công tác phí (tiền phòng)	1111	230,000	0
31/05	KC-000004	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	5,281,171
*****	*****	*****	*****	*****	*****
01/07	000002	Chi đồ dầu xe	1111	925,926	0
07/07	000004	Chi đồ dầu xe	1111	925,926	0
14/07	000005	Chi đồ dầu xe	1111	925,926	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****
20/08	000007	Chi công tác phí	1111	253,000	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****
03/09	000004	Chi đồ dầu xe	1111	925,926	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****
26/09	000010	Chi đồ dầu xe	1111	925,926	0
13/10	000006	Chi đồ dầu xe	1111	925,926	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****
25/10	000008	Chi đồ dầu xe	1111	462,963	0
27/10	000009	Chi đồ dầu xe	1111	925,926	0
31/10	KC-000004	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	5,454,998
*****	*****	*****	*****	*****	*****
19/12	000002	Chi công tác phí	1111	231,481	0
20/12	000008	Chi đồ dầu xe	1111	925,926	0
*****	*****	*****	*****	*****	*****
31/12	KC-000004	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	911	0	4,686,449
31/12	234	Khấu hao Lốp xe tháng 12/2025	242	404,764	0
		Tổng cộng phát sinh		55,398,463	55,398,463
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		55,398,463	55,398,463
		Số dư cuối kỳ		0	0

.....Ngày.....tháng.....năm.....
kế toán trưởng

Sổ cái TK 6421

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRƯ
140 đường Đinh Văn Cháp

SỔ CÁI

Năm 2025

Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

CHỨNG TỬ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tên đầu kỳ		0	0
.....					
31/01	206	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 1/2025	242	31,079	0
11/02	000001	Phí chuyển tiền	1121	19,000	0
.....					
28/02	205	Khấu hao Chữ ký số báo cáo thuế tháng 2/2025	242	79,259	0
28/02	206	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 2/2025	242	31,079	0
31/03	KC-000005	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	9,520,474
31/03	207	Khấu hao Chữ ký số báo cáo thuế tháng 3/2025	242	79,259	0
31/03	208	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 3/2025	242	31,079	0
.....					
14/04	000003	Phí chuyển tiền	1121	19,000	0
30/04	209	Khấu hao Chữ ký số báo cáo thuế tháng 4/2025	242	79,259	0
30/04	210	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 4/2025	242	31,079	0
06/05	000007	Chi trả cước viễn thông	1111	146,455	0
13/05	000002	Phí chuyển tiền	1121	19,000	0
.....					
31/05	211	Khấu hao Chữ ký số báo cáo thuế tháng 5/2025	242	79,259	0
31/05	212	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 5/2025	242	31,079	0
.....					
10/06	000003	Phí chuyển tiền	1121	19,000	0
.....					
30/06	213	Khấu hao Chữ ký số báo cáo thuế tháng 6/2025	242	79,259	0
30/06	214	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 6/2025	242	31,079	0
.....					
31/07	KC-000004	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	911	0	9,316,838
31/07	215	Khấu hao Chữ ký số báo cáo thuế tháng 7/2025	242	79,259	0
31/07	216	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 7/2025	242	31,079	0
07/08	000003	Cước dịch vụ viễn thông trả sau	1111	144,864	0
27/08	000002	Phí quản lý tài khoản T8/2025	1121	90,000	0
.....					
31/08	217	Khấu hao Chữ ký số báo cáo thuế tháng 8/2025	242	79,259	0
31/08	218	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 8/2025	242	31,079	0
07/09	000005	Cước dịch vụ viễn thông trả sau	1111	144,864	0
.....					
15/09	000003	Trích BHXH vào phí	3383	967,500	0
30/09	219	Khấu hao Chữ ký số báo cáo thuế tháng 9/2025	242	79,259	0
.....					
01/10	000001	Phí chuyển tiền	1121	19,000	0
01/10	000002	Trích BHXH vào phí	3383	967,500	0
07/10	000005	Chi cước dịch vụ viễn thông	1111	144,545	0
.....					
31/10	222	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 10/2025	242	31,079	0
.....					
06/11	000003	Chi cước dịch vụ viễn thông	1111	144,545	0
30/11	223	Khấu hao Chữ ký số báo cáo thuế tháng 11/2025	242	79,259	0
30/11	224	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 11/2025	242	31,079	0
21/12	000005	Chi thanh toán phòng nghỉ	1111	277,778	0
.....					
31/12	225	Khấu hao Chữ ký số báo cáo thuế tháng 12/2025	242	79,259	0
31/12	224	Khấu hao Phần mềm E-BH tháng 12/2025	242	31,079	0
		Tổng cộng phát sinh		120,825,253	120,825,253
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		120,825,253	120,825,253
		Số dư cuối kỳ		0	0

.....Ngày.....tháng.....năm.....
kế toán trưởng

Sổ cái TK 6422

2.2.2.4. Kế toán chi phí khác tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung

a) Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Quyết định xử phạt....
- Giấy nộp tiền...

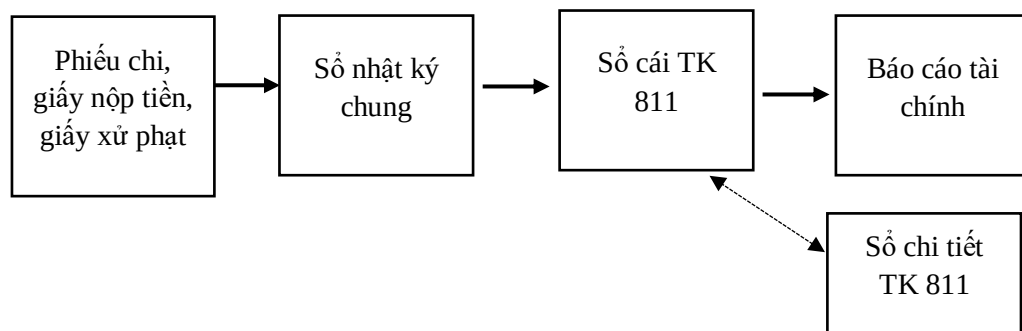
b) Tài khoản sử dụng

TK 811 – Chi phí khác

c) Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK 811
- Sổ cái TK 811

d) Trình tự ghi sổ



e) Nghiệp vụ minh họa

Khi nộp thuế quá thời hạn quy định, hệ thống thuế điện tử thuedientu.gdt.gov.vn sẽ thông báo số tiền chậm nộp. Kế toán tiến hành tra cứu mã số thuế và bấm truy vấn để kiểm tra số tiền phạt chậm nộp phải nộp. Sau khi kiểm tra, kế toán thực hiện nộp tiền qua tài khoản ngân hàng trên hệ thống thuế điện tử. Khoản tiền chậm nộp thuế này Căn cứ theo Khoản 2 Điều 59 Luật Quản lý thuế 2019 được sửa đổi bởi khoản 7 Điều 6, Luật số 56/2024/QH15, mức nộp tiền chậm nộp tiền thuế và tiền phạt vi phạm hành chính về thuế

Ngày 25/02/2025, công ty thực hiện nộp tiền chậm nộp thuế môn bài theo thông báo của cơ quan thuế với số tiền 45.500 đồng. kế toán thực hiện nộp số tiền 45.500 đồng vào ngân sách nhà nước thông qua tài khoản ngân hàng của công ty.

➤ Phụ lục 3: Thông báo tiền thuế nộp

Không ghi vào
khu vực này

Mẫu số C1- 02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số
84/2016/TT-BTC
của Bộ Tài chính)
Mã hiệu:
Số: OW2501209219580

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒
Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220250292535199

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUANG
MINH HD MIỀN TRUNG

Mã số thuế: 0402036729

Địa chỉ: Lô 37,38,39 đường Đinh Văn Cháp, Phường Hoà Xuân
Quận/Huyện: Quận Cẩm Lệ

Tỉnh, TP: Đà Nẵng

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Tỉnh, TP:

Quận/Huyện:

trích TK số: 040095180487

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐

TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: KBNN Cẩm Lệ- Đà Nẵng

Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Mở tại NH ủy nhiệm thu: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐

Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐

Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Quận Cẩm Lệ - Chi cục thuế khu vực Cẩm Lệ - Hòa Vang

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Ký thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	7700330219180001	00/CN/2021	Tiền nộp do chậm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cơ quan thuế quản lý..		45,500	755	4272
2	0405431353430001	00/CN/2025	Lệ phí môn bài mức (bậc) 2.		2,000,000	755	2863
Tổng tiền					2,045,500		

<https://thuedientu.qdt.gov.vn/etaxnnt/Request#>

1/2

5/30/26, 4:07 PM

Tra cứu giấy nộp tiền_Nộp thuế_KH Doanh nghiệp_Thuế điện tử

Tổng số tiền ghi bằng chữ: HAI TRIỆU KHÔNG TRĂM BỐN MƯƠI LĂM NGHÌN NĂM TRĂM ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

Kế toán

Kế toán trưởng

✓ Người ký :	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRUNG
✓ Ngày ký :	20/01/2025 18:17:03
✓ Người ký :	Tổng cục Thuế
✓ Ngày ký :	20/01/2025 18:17:04
✓ Người ký :	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN
✓ Ngày ký :	20/01/2025 18:19:25

Giấy nộp tiền vào NSNN

- Dựa vào sổ phụ ngân hàng/ giấy nộp tiền, kế toán xác định các khoản bị phạt sau đó hạch toán vào phần mềm

Vào phân hệ “ kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay” —> “ phiếu chi tiền mặt”
Bấm “thêm”

Phiếu Chi Tiền Gửi

Kiểu giao dịch: **Phiếu chi cho một đối tượng**

Khách hàng: **THUE** Chi Cục Thuế Quận Cẩm Lệ Người nhận tiền: **Chi Cục Thuế Quận Cẩm Lệ** Ngày CT: **20/01/2025**

Địa chỉ: Mã nhân viên: Số CT: **000004**

Lý do chứng từ: **Nộp thuế môn bài 2025** CT gốc:

1. Chi tiết hạch toán 2. Thanh toán cho các phiếu

TK Nợ	TK Có	Số tiền	Diễn giải bút toán	Mã vụ việc	Khoản mục phí
33382	1121	2,000,000	Nộp thuế môn bài 2025		
811	1121	45,500	Phạt chậm nộp		

Record: 1 of 2

Hóa đơn GTGT

Ký hiệu	Seri HD	Ngày HD	VAT	Tiền chưa VAT	Tiền VAT	MaKH	Tên cơ sở KD	Địa chỉ	Mã số thuế
---------	---------	---------	-----	---------------	----------	------	--------------	---------	------------

Record: 1 of 1

Thuế - Ghi Nợ: **1331** Ghi Có: **1121** Vụ việc: Tổng chưa thuế: #Error Tổng thuế VAT: #Error Tổng hoá đơn: #Error Tổng hạch toán: **2,045,500**

Khoá sổ / Mở sổ Khoá DL Thêm phiếu Xóa phiếu In phiếu Ủy nhiệm chi Bảng kê Phiếu KT Quay ra

Record: 1 of 1 (Filtered)

Giao diện nhập liệu TK 811

Đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 140 đường Đình Văn Chấp

Mẫu số: S19-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 811 - Chi phí khác

CHUNG TỬ		MÃ KH	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT				NỢ	CO
			Tồn đầu kỳ		0	0
06/01	000004		Trích BHXH vào phí	3383	967,500	0
20/01	000004	THUE	Phạt chậm nộp	1121	45,500	0
31/01	KC-000006		KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	1,013,000
11/02	000002		Trích BHXH vào phí	3383	967,500	0
28/02	KC-000006		KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	967,500
10/03	000003		Trích BHXH vào phí	3383	967,500	0
31/03	KC-000006		KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	967,500
16/04	000002		Trích BHXH vào phí	3383	967,500	0
30/04	KC-000006		KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	967,500
13/05	000002		Trích BHXH vào phí	3383	967,500	0
31/05	KC-000006		KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	967,500
24/06	000003		Trích BHXH vào phí	3383	967,500	0
30/06	KC-000006		KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	967,500
07/07	000002		Trích BHXH vào phí	3383	967,500	0
31/07	KC-000005		KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	967,500
27/08	000002		Trích BHXH vào phí	3383	967,500	0
31/08	KC-000004		KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	967,500
15/09	000003		Trích BHXH vào phí	3383	967,500	0
30/09	KC-000006		KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	967,500
01/10	000002		Trích BHXH vào phí	3383	967,500	0
31/10	KC-000006		KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	967,500
12/11	000002		Trích BHXH vào phí	3383	967,500	0
30/11	KC-000006		KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	967,500
04/12	000003		Trích BHXH vào phí	3383	967,500	0
31/12	KC-000006		KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	967,500
			Tổng cộng phát sinh		11,655,500	11,655,500
			Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		11,655,500	11,655,500
			Số dư cuối kỳ		0	0

Sổ chi tiết TK 811

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

NGÀY Y GHI SỐ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi số cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
17/01	000008	17/01	Chi đồ xăng xe				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	680,080
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	61,825	0
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	618,255	0
20/01	000004	20/01	Nộp thuế môn bài 2025				
			Tiền Việt Nam	X	1121	0	2,045,500
			Các loại thuế khác	X	33382	2,000,000	0
			Chi phí khác	X	811	45,500	0
18/03	000014	18/03	Chi công tác phí (tiền phòng)				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	250,000
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	18,519	0
			Chi phí bán hàng	X	6421	231,481	0
07/07	000007	07/07	Phí chuyển tiền				
			Tiền Việt Nam	X	1121	0	20,900
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	1,900	0
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	19,000	0
11/07	000003	11/07	Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số : 00000026				
			Tiền Việt Nam	X	1111	4,904,757	0
			Phải thu của khách hàng	X	131	0	4,904,757
27/08	000005	27/08	Phí chuyển tiền				
			Tiền Việt Nam	X	1121	0	20,900
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	1,900	0
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	19,000	0
25/09	000011	25/09	Chi công tác phí				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	253,000
			Chi phí bán hàng	X	6421	253,000	0
			Tiền Việt Nam	X	1121	0	4,000,000,000
			Phải trả cho người bán	X	331	4,000,000,000	0
16/10	000011	16/10	Chi nộp tiền vào ngân hàng				
			Tiền Việt Nam	X	1111	0	4,000,000,000
			Tiền Việt Nam	X	1121	4,000,000,000	0
17/10	000004	17/10	Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số : 00000040				
			Tiền Việt Nam	X	1111	4,800,312	0
			Phải thu của khách hàng	X	131	0	4,800,312
18/10	000003	18/10	Nhập hàng mua				
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	X	1331	89,812,800	0
			Hàng hóa	X	156	898,128,000	0
			Phải trả cho người bán	X	331	0	987,940,800
20/10	000003	20/10	Thu tiền bán hàng				
			Tiền Việt Nam	X	1121	122,351,000	0
			Phải thu của khách hàng	X	131	0	122,351,000
16/12	000004	16/12	Thu tiền hàng CKN 421791				
			Tiền Việt Nam	X	1121	129,223,000	0
			Phải thu của khách hàng	X	131	0	129,223,000
16/12	000005	16/12	Chuyển trả tiền hàng				
			Tiền Việt Nam	X	1121	0	160,000,000
			Phải trả cho người bán	X	331	160,000,000	0
TỔNG CỘNG						50,869,470,798	50,869,470,798

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Giám đốc

Trần Thị Như Ngọc

Nguyễn Văn Khánh

Sổ nhật ký chung

Trích sổ cái TK 811

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRUNG
140 đường Đình Văn Chắp

SỔ CÁI

Năm 2025

Tài khoản 811 - Chi phí khác

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
06/01	000004	Trích BHXH vào phí	3383	967,500	0
20/01	000004	Phạt chậm nộp	1121	45,500	0
31/01	KC-000006	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	1,013,000
11/02	000002	Trích BHXH vào phí	3383	967,500	0
28/02	KC-000006	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	967,500
10/03	000003	Trích BHXH vào phí	3383	967,500	0
31/03	KC-000006	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	967,500
16/04	000002	Trích BHXH vào phí	3383	967,500	0
30/04	KC-000006	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	967,500
13/05	000002	Trích BHXH vào phí	3383	967,500	0
31/05	KC-000006	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	967,500
24/06	000003	Trích BHXH vào phí	3383	967,500	0
30/06	KC-000006	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	967,500
07/07	000002	Trích BHXH vào phí	3383	967,500	0
31/07	KC-000005	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	967,500
27/08	000002	Trích BHXH vào phí	3383	967,500	0
31/08	KC-000004	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	967,500
15/09	000003	Trích BHXH vào phí	3383	967,500	0
30/09	KC-000006	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	967,500
01/10	000002	Trích BHXH vào phí	3383	967,500	0
31/10	KC-000006	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	967,500
12/11	000002	Trích BHXH vào phí	3383	967,500	0
30/11	KC-000006	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	967,500
04/12	000003	Trích BHXH vào phí	3383	967,500	0
31/12	KC-000006	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	911	0	967,500
		Tổng cộng phát sinh		11,655,500	11,655,500
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		11,655,500	11,655,500
		Số dư cuối kỳ		0	0

.....Ngày.....tháng.....năm.....
kế toán trưởng

Sổ cái TK 811

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung

2.2.3.1. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung

- a) Chứng từ sử dụng
 - Tờ khai thuế TNDN
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- b) Tài khoản sử dụng
 - TK 821 – Chi phí thuế TNDN
- c) Sổ sách sử dụng
 - Sổ nhật ký chung

- Sổ cái TK 821
- Sổ chi tiết TK 821

d) Nghiệp vụ minh họa

Căn cứ vào báo cáo kết quả kinh doanh để lập tờ khai quyết toán thuế TNDN

Cách xác định chi phí thuế TNDN như sau:

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = doanh thu thuần BH & CCDV – giá vốn hàng bán + doanh thu hoạt động tài chính – chi phí tài chính – chi phí quản lý kinh doanh

$$= 2,474,463,276 - 2,413,386,116 + 27,244 - 0 - 176,223,716$$

$$= - 115,119,312$$

Lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh Doanh – lợi nhuận khác

$$= (-115,119,312) - 11,655,550$$

$$= - 126,774,821$$

Trong đó, căn cứ vào khoản 2 điều 9 Luật Thuế TNDN chi phí không được khấu trừ có 2 khoản:

+ chi phí khác TK 811 là khoản tiền chậm nộp thuế: 45,500; khoản BHXH của giám đốc chủ sở hữu: 11,610,000.

Vì thu nhập tính thuế < 0 (-126,774,821) nên công ty không nộp thuế TNDN

Đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRUNG
Địa chỉ: 140 đường Đinh Văn Chắp

Mẫu số B 02-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Đơn vị tính : Đồng VN

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	KỲ NÀY	KỲ TRƯỚC	LUY KẾ TỪ ĐẦU NĂM
A	B	C	1	2	3
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	2,474,463,276	1,707,647,695	2,474,463,276
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2,474,463,276	1,707,647,695	2,474,463,276
4. Giá vốn hàng bán	11		2,413,386,116	1,655,754,338	2,413,386,116
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		61,077,160	51,893,357	61,077,160
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		27,244	26,143	27,244
7. Chi phí tài chính	22		-	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		176,223,716	382,464,838	176,223,716
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		(115,119,312)	(330,545,338)	(115,119,312)
10. Thu nhập khác	31		-	-	-
11. Chi phí khác	32		11,655,500	-	11,655,500
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(11,655,500)	-	(11,655,500)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50	IV.09	(126,774,812)	(330,545,338)	(126,774,812)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		-	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(126,774,812)	(330,545,338)	(126,774,812)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

TP Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Khánh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số: 03/TNDN

(Ban hành kèm theo Thông

tư số 80/2021/TT-BTC

ngày 29 tháng 9 năm 2021

của Bộ trưởng Bộ Tài

chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G47 - Bán lẻ

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUANG MINH HD
MIỀN TRUNG

[07] Mã số thuế: 0402036729

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(126.774.812)
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	11.655.500
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	11.655.500
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	(115.119.312)
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	(115.119.312)
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0

C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	(115.119.312)
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9=(C7 x 20%) + (C8 x C8a))	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN (C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0

7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này ($D8=D6-D7$)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E=E1+E2+E5$)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2=E3+E4$)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G=G1+G2+G3+G4+G5$)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	$I2=E2-G3-G4-G5$	0

Tờ khai quyết toán thuế TNDN

2.2.3.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung

a) Tài khoản sử dụng

TK 911 – xác định kết quả hoạt động kinh doanh

b) Sổ sách sử dụng

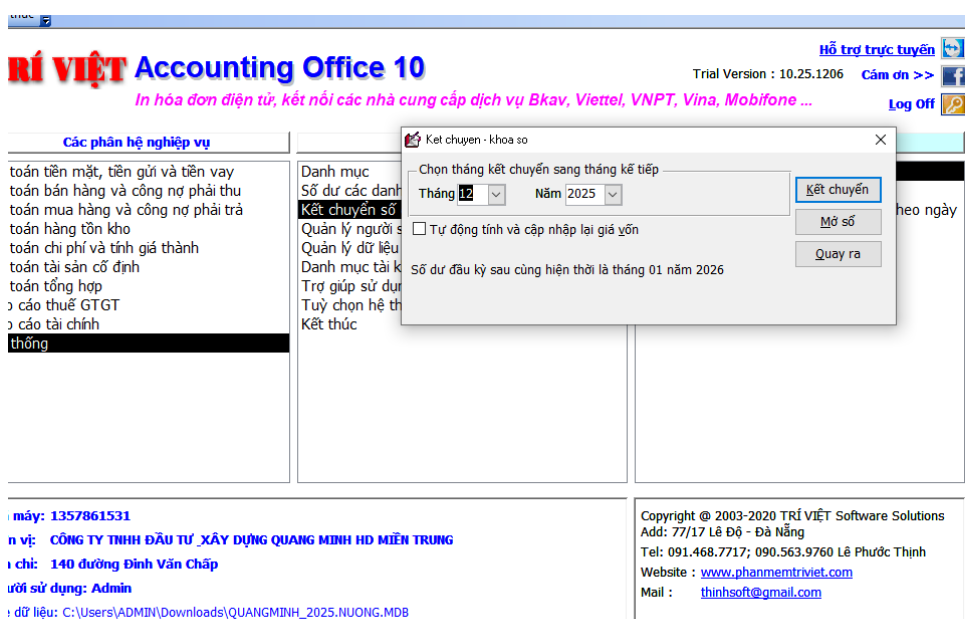
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 911
- Sổ chi tiết TK 911
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

c) Phương pháp hạch toán

- Cuối kỳ, kế toán tiền hành khoá sổ, căn cứ vào các khoản doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ kế toán tiền hành kết chuyển
- Phần mềm thực hiện các bút toán kết chuyển như sau:

Vào phân hành "Hệ thống" → "Kết chuyển số dư cuối kỳ" → "Kết chuyển số dư và khoá sổ/ mở sổ" để thực hiện kết chuyển.

- Kết chuyển TK 632 sang TK 911;
- Kết chuyển TK 642 sang TK 911;
- Kết chuyển TK 511 sang TK 911;
- Kết chuyển TK 515 sang TK 911;
- Kết chuyển TK 821 sang TK 911;



Sau khi kết chuyển doanh thu và chi phí sang TK 911 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh (lãi hoặc lỗ trong kỳ), tiếp tục kết chuyển sang TK 421 nhằm xác định lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của doanh nghiệp.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mẫu số: B02 - DNN
(Ban hành theo Thông
tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ
Tài chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRUNG
[03] Mã số thuế: 0402036729

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.474.463.276	1.707.647.695
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		2.474.463.276	1.707.647.695
4. Giá vốn hàng bán	11		2.413.386.116	1.655.754.338
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		61.077.160	51.893.357
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		27.244	26.143
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		176.223.716	382.464.838
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		(115.119.312)	(330.545.338)
10. Thu nhập khác	31		0	0
11. Chi phí khác	32		11.655.500	0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(11.655.500)	0
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(126.774.812)	(330.545.338)
14. Chi phí thuế TNDN	51		0	0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		(126.774.812)	(330.545.338)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 26 tháng 03 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
Nguyễn Văn Khánh

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRUNG
Ngày ký: 26/03/2026 10:59:58.

Phụ lục kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

= -126.774.821- 0

= -126.774.821

Đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRÍ
Địa chỉ: 140 đường Đinh Văn Chắp

Mẫu số: S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC)
(ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
31/01	KC-000001	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	49,735,404
31/01	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	1,591
31/01	KC-000003	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	47,990,369	0
31/01	KC-000004	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	6421	3,424,581	0
31/01	KC-000005	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	6422	11,946,888	0
31/01	KC-000006	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	811	1,013,000	0
31/01	KC-000007	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	14,637,843
.....				...	
30/04	KC-000001	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	15,815,547
30/04	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	297
30/04	KC-000003	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	15,260,637	0
30/04	KC-000004	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	6421	3,718,012	0
30/04	KC-000005	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	6422	9,383,247	0
30/04	KC-000006	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	811	967,500	0
30/04	KC-000007	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	13,513,552
.....				...	
31/07	KC-000001	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	176,633,361
31/07	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	2,210
31/07	KC-000003	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	170,435,934	0
31/07	KC-000004	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	6421	6,055,556	0
31/07	KC-000005	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	6422	9,316,838	0
31/07	KC-000006	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	811	967,500	0
31/07	KC-000007	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	10,140,257
31/08	KC-000001	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	2,366
31/08	KC-000002	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	6421	4,739,112	0
31/08	KC-000003	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	6422	9,361,702	0
31/08	KC-000004	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	811	967,500	0
.....				...	
30/09	KC-000001	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	417,436,443
30/09	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	6,313
30/09	KC-000003	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	402,790,110	0
30/09	KC-000004	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	6421	4,927,196	0
30/09	KC-000005	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	6422	10,238,610	0
30/09	KC-000006	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	811	967,500	0
30/09	KC-000007	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	1,480,660
.....				...	
30/11	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	1,760
30/11	KC-000003	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	486,180,261	0
30/11	KC-000004	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	6421	4,108,468	0
30/11	KC-000005	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	6422	12,642,293	0
30/11	KC-000006	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	811	967,500	0
30/11	KC-000007	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	16,438,362
31/12	KC-000001	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	265,094,120
31/12	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	1,923
31/12	KC-000003	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	263,818,225	0
31/12	KC-000004	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	6421	4,686,449	0
31/12	KC-000005	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	6422	9,956,616	0
31/12	KC-000006	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	811	967,500	0
31/12	KC-000007	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	14,332,747
		Tổng cộng phát sinh		2,601,265,332	2,601,265,332
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		2,601,265,332	2,601,265,332
		Số dư cuối kỳ		0	0

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

TP Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Sổ chi tiết TK 911

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2025

NGÀY GHI SỐ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	Đã ghi số cái	Số hiệu TK đối ứng	PHÁT SINH	
	SỐ CT	NGÀY CT				NỢ	CÓ
.....							
.....							
31/01	KC-000001	31/01	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD				
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	49,735,404	0
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	0	49,735,404
31/01	KC-000002	31/01	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD				
			Doanh thu hoạt động tài chính	X	515	1,591	0
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	0	1,591
31/01	KC-000003	31/01	KC Giá vốn vào KQ SXKD				
			Giá vốn hàng bán	X	632	0	47,990,369
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	47,990,369	0
31/01	KC-000004	31/01	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD				
			Chi phí bán hàng	X	6421	0	3,424,581
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	3,424,581	0
31/01	KC-000005	31/01	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD				
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	0	11,946,888
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	11,946,888	0
31/01	KC-000006	31/01	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD				
			Chi phí khác	X	811	0	1,013,000
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	1,013,000	0
31/01	KC-000007	31/01	KC Lãi Lỗ KDXS (911)				
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	X	4212	14,637,843	0
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	0	14,637,843
.....							
.....							
31/10	KC-000001	31/10	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD				
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	457,951,818	0
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	0	457,951,818
31/10	KC-000002	31/10	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD				
			Doanh thu hoạt động tài chính	X	515	4,082	0
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	0	4,082
31/10	KC-000003	31/10	KC Giá vốn vào KQ SXKD				
			Giá vốn hàng bán	X	632	0	443,776,437
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	443,776,437	0
31/10	KC-000004	31/10	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD				
			Chi phí bán hàng	X	6421	0	5,454,998
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	5,454,998	0
31/10	KC-000005	31/10	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD				
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	0	11,102,383
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	11,102,383	0
31/10	KC-000006	31/10	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD				
			Chi phí khác	X	811	0	967,500
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	967,500	0
31/10	KC-000007	31/10	KC Lãi Lỗ KDXS (911)				
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	X	4212	3,345,418	0
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	0	3,345,418
.....							
.....							
31/12	KC-000001	31/12	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD				
			Doanh thu bán hàng hóa	X	5111	265,094,120	0
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	0	265,094,120
31/12	KC-000002	31/12	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD				
			Doanh thu hoạt động tài chính	X	515	1,923	0
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	0	1,923
31/12	KC-000003	31/12	KC Giá vốn vào KQ SXKD				
			Giá vốn hàng bán	X	632	0	263,818,225
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	263,818,225	0
31/12	KC-000004	31/12	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD				
			Chi phí bán hàng	X	6421	0	4,686,449
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	4,686,449	0
31/12	KC-000005	31/12	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD				
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	X	6422	0	9,956,616
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	9,956,616	0
31/12	KC-000006	31/12	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD				
			Chi phí khác	X	811	0	967,500
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	967,500	0
31/12	KC-000007	31/12	KC Lãi Lỗ KDXS (911)				
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	X	4212	14,332,747	0
			Xác định kết quả kinh doanh	X	911	0	14,332,747
			TỔNG CỘNG			50,869,470,798	50,869,470,798

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Giám đốc

Sổ nhật ký chung

SỔ CÁI

Năm 2025

Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh

CHUNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT			NỢ	CÓ
		Tồn đầu kỳ		0	0
.....					
31/01	KC-000005	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	6422	11,946,888	0
31/01	KC-000006	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	811	1,013,000	0
31/01	KC-000007	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	14,637,843
.....					
28/02	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	1,161
28/02	KC-000003	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	161,233,577	0
28/02	KC-000004	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	6421	3,087,713	0
28/02	KC-000005	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	6422	9,031,935	0
28/02	KC-000006	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	811	967,500	0
28/02	KC-000007	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	7,223,179
31/03	KC-000001	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	103,709,052
31/03	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	2,200
31/03	KC-000003	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	100,070,277	0
31/03	KC-000004	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	6421	5,584,400	0
31/03	KC-000005	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	6422	9,520,474	0
31/03	KC-000006	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	811	967,500	0
31/03	KC-000007	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	12,431,399
.....					
31/05	KC-000001	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	151,979,796
31/05	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	968
31/05	KC-000003	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	146,647,375	0
31/05	KC-000004	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	6421	5,281,171	0
31/05	KC-000005	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	6422	9,215,884	0
31/05	KC-000006	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	811	967,500	0
31/05	KC-000007	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	10,131,166
.....					
31/08	KC-000001	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	2,366
31/08	KC-000002	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	6421	4,739,112	0
31/08	KC-000003	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	6422	9,361,702	0
31/08	KC-000004	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	811	967,500	0
31/08	KC-000005	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	15,065,948
.....					
31/10	KC-000001	KC Doanh Thu bán hàng sang KQ SXKD	5111	0	457,951,818
31/10	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	4,082
31/10	KC-000003	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	443,776,437	0
31/10	KC-000004	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	6421	5,454,998	0
31/10	KC-000005	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	6422	11,102,383	0
31/10	KC-000006	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	811	967,500	0
31/10	KC-000007	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	3,345,418
.....					
30/11	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	1,760
30/11	KC-000003	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	486,180,261	0
30/11	KC-000004	KC Chi phí QL nhân viên vào KQ SXKD	6421	4,108,468	0
30/11	KC-000005	KC Chi phí vật liệu vào KQ SXKD	6422	12,642,293	0
30/11	KC-000006	KC Chi phí hoạt động khác vào KQ SXKD	811	967,500	0
30/11	KC-000007	KC Lãi Lỗ KDXS (911)	4212	0	16,438,362
.....					
31/12	KC-000002	KC Doanh Thu tài chính sang KQ SXKD	515	0	1,923
31/12	KC-000003	KC Giá vốn vào KQ SXKD	632	263,818,225	0
.....					
		Tổng cộng phát sinh		2,601,265,332	2,601,265,332
		Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		2,601,265,332	2,601,265,332
		Số dư cuối kỳ		0	0

.....Ngày.....tháng.....năm.....
kế toán trưởng

Sổ cái TK 911

CHƯƠNG 3

NHẬN XÉT, HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRUNG

3.1. Đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung

3.3.1. Ưu điểm

Công ty đã đảm bảo áp dụng đúng chế độ kế toán của Nhà nước ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC 26/08/2016, phù hợp với điều kiện thực tế

➤ Về tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán được tổ chức tương đối gọn nhẹ và phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty. Công tác kế toán luôn đảm bảo việc kiểm tra, đối chiếu số liệu kịp thời và chính xác, đồng thời chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên kế toán. Các thành viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và năng lực nghiệp vụ tốt, giàu kinh nghiệm, có tinh thần trách nhiệm và nhiệt tình trong công việc. Bên cạnh đó, công việc được phân công rõ ràng, cụ thể và phù hợp với chuyên môn của từng người, góp phần nâng cao hiệu quả công việc.

❖ Hình thức kế toán

Công ty ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán. Đây là hình thức kế toán khá đơn giản, dễ thực hiện, hệ thống sổ sách gọn nhẹ, thích hợp với đơn vị. Công ty sử dụng hình thức kế toán máy với phần mềm Kế toán Trí Việt. Quy trình nhập dữ liệu trên phần mềm này khá đơn giản tiết kiệm thời gian nhập liệu. Kế toán chỉ cần nhập số liệu vào phần mềm và chương trình sẽ tự động chuyển vào các sổ sách liên quan, giúp làm bớt sai sót, khối lượng công việc cho kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng và kịp thời tình hình tài chính của công ty.

❖ Về công tác kế toán doanh thu chi phí và kết quả kinh doanh

Về công tác kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động bán hàng đều được kế toán ghi nhận kịp thời, chính xác và đầy đủ. Điều này giúp công ty xác định doanh thu và kết quả kinh doanh một cách hợp lý, đồng thời cung cấp thông tin chính xác phục vụ cho công tác quản lý và ra quyết định.

Về công tác kế toán chi phí: Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ được công ty quản lý chặt chẽ, đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ và phù hợp với hoạt động kinh doanh của

doanh nghiệp. Qua đó góp phần kiểm soát chi phí và tối đa hóa lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Kế toán đã thực hiện tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tương đối đầy đủ, đúng theo chế độ kế toán hiện hành. Việc kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định lãi, lỗ được thực hiện kịp thời, góp phần cung cấp thông tin phục vụ cho công tác quản lý và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm trên công ty TNHH Đầu Tư và Xây Dựng Quang Minh HD Miền Trung còn tồn tại những hạn chế như sau:

- ❖ Phần mềm kế toán: Phần mềm kế toán Trí Việt mặc dù có giao diện đơn giản, dễ sử dụng và phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định như phần mềm hiện chỉ tích hợp chung bảng tính khấu hao tài sản cố định và bảng phân bổ chi phí trả trước trong cùng một chức năng (bảng tính khấu hao chi phí trả trước). Việc chưa tách riêng hai bảng theo dõi này có thể gây khó khăn cho kế toán trong quá trình quản lý, kiểm tra và đối chiếu số liệu, đặc biệt khi doanh nghiệp có nhiều tài sản cố định và khoản chi phí trả trước phát sinh. Điều này cũng dễ dẫn đến nhầm lẫn giữa nghiệp vụ khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước trong quá trình hạch toán
- ❖ Chính sách bán hàng: Công ty hiện chưa áp dụng nhiều chính sách ưu đãi nhằm thu hút khách hàng như chiết khấu thanh toán hoặc chiết khấu thương mại. Điều này phần nào làm giảm khả năng cạnh tranh và sức hút đối với khách hàng trên thị trường
- ❖ Công tác quản lý công nợ: Mặt hàng kinh doanh chủ yếu của công ty là thanh nhôm cung cấp cho các khách hàng buôn và doanh nghiệp. Vì vậy, đa số khách hàng thường nhận hàng trước và thanh toán sau, dẫn đến công ty phát sinh nhiều khoản công nợ cần theo dõi. Điều này khiến kế toán phải thường xuyên kiểm tra, đối chiếu tình hình thanh toán của khách hàng. Tuy nhiên, vẫn còn một số khoản công nợ trong quá trình thanh toán hoặc thanh toán chậm, gây khó khăn cho việc thu hồi vốn và ảnh hưởng đến khả năng quay vòng vốn của công ty.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH đầu tư và xây dựng Quang Minh HD Miền Trung

- ❖ Về chính sách bán hàng
 - Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại nhằm khuyến khích khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Mức chiết khấu có thể được áp dụng từ 1%

đến 3% tùy theo giá trị đơn hàng hoặc doanh số mua hàng trong kỳ. Theo Thông tư 133, khoản chiết khấu thương mại hạch toán trực tiếp vào bên Nợ của TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Kế toán theo dõi các khoản chiết khấu thương mại thông qua hóa đơn điều chỉnh, sổ chi tiết bán hàng để đảm bảo quản lý chặt chẽ các khoản giảm trừ doanh thu. Việc áp dụng chính sách này sẽ góp phần gia tăng sản lượng tiêu thụ, mở rộng thị trường và nâng cao khả năng cạnh tranh của công ty.

Đơn vị:
Địa chỉ:

Mẫu số S16-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):.....

Năm:.....

Quyển số:.....

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần						
			- Giá vốn hàng bán						
			- Lãi gộp						

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu sổ chi tiết bán hàng

- Bên cạnh đó, công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán đối với khách hàng thanh toán trước hạn hoặc đúng hạn nhằm đẩy nhanh tốc độ thu hồi công nợ. Ví dụ, khách hàng thanh toán trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn có thể được hưởng mức chiết khấu từ 1% đến 2% giá trị thanh toán. Các khoản chiết khấu thanh toán cần được theo dõi thông qua sổ chi tiết thanh toán, sổ công nợ phải thu và các chứng từ thanh toán liên quan. Giải pháp này giúp doanh nghiệp rút ngắn thời gian thu hồi vốn, cải thiện dòng tiền và hạn chế tình trạng khách hàng chậm thanh toán

Đơn vị:
Địa chỉ:

Mẫu số S12-DNN
(Ban hành theo Thông tư
số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ
Tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

(Dùng cho TK: 131, 331)

Tài khoản:

Đối tượng:

Loại tiền: VNĐ

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			- Số dư đầu kỳ						
			- Số phát sinh trong kỳ						
									
									
			- Cộng số phát sinh	x	x			x	x
			- Số dư cuối kỳ	x	x	x	x		

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Mẫu sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán)

- Đồng thời, công ty cần tăng cường hoạt động marketing, quảng bá thương hiệu và giới thiệu sản phẩm thông qua các kênh truyền thông phù hợp nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ, thu hút khách hàng mới và duy trì mối quan hệ với khách hàng hiện có. Góp phần nâng cao hình ảnh doanh nghiệp và tạo điều kiện gia tăng doanh thu trong tương lai.

❖ Về phần mềm

- Công ty cần thường xuyên kiểm tra, sao lưu và cập nhật dữ liệu trên phần mềm kế toán nhằm hạn chế rủi ro mất dữ liệu và đảm bảo tính chính xác của thông tin kế toán. Giúp kế toán dễ dàng tra cứu, đối chiếu số liệu và giảm thiểu các sai sót trong quá trình hạch toán

- Bên cạnh đó, công ty nên nâng cấp phiên bản phần mềm kế toán định kỳ để đáp ứng kịp thời các thay đổi của chế độ kế toán, chính sách thuế và các yêu cầu quản trị

doanh nghiệp. Việc nâng cấp phần mềm sẽ giúp tăng cường khả năng bảo mật dữ liệu, hỗ trợ tự động hóa các nghiệp vụ kế toán và nâng cao hiệu quả xử lý công việc. Qua đó, công tác kế toán được thực hiện nhanh chóng, chính xác hơn và tiết kiệm thời gian cho nhân viên kế toán.

❖ Công tác quản lý công nợ

- Công ty cần thực hiện đối chiếu công nợ định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý nhằm đảm bảo số liệu chính xác và kịp thời phát hiện các khoản nợ quá hạn.
- Đối với khách hàng mới, công ty nên quy định mức đặt cọc từ 30% đến 50% giá trị hợp đồng. Đối với khách hàng thường xuyên và có uy tín, thời gian thanh toán có thể từ 30 đến 45 ngày kể từ ngày nhận hàng hoặc nhận hóa đơn. Điều này giúp giảm thiểu rủi ro nợ khó đòi và đảm bảo nguồn vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty.
- Kế toán cần lập bảng theo dõi tuổi nợ để phân loại các khoản nợ dưới 30 ngày, từ 30 đến 60 ngày, từ 60 đến 90 ngày và trên 90 ngày nhằm có biện pháp đôn đốc, thu hồi công nợ kịp thời, hạn chế tình trạng nợ kéo dài và giảm thiểu rủi ro mất vốn. Điều này giúp nâng cao hiệu quả quản lý công nợ và tăng khả năng quay vòng vốn của doanh nghiệp.

❖ Cập nhập kiến thức

- Để nâng cao trình độ chuyên môn, mỗi kế toán cần không ngừng học hỏi, bồi dưỡng nghiệp vụ chủ động cập nhật các văn bản pháp luật mới về kế toán, thuế và tài chính doanh nghiệp nhằm đảm bảo việc hạch toán và lập báo cáo tài chính được thực hiện đúng quy định hiện hành.
- Công ty nên tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa đào tạo, tập huấn chuyên môn để nâng cao trình độ nghiệp vụ và khả năng xử lý các tình huống phát sinh trong thực tế. Nhờ đó, chất lượng thông tin kế toán được nâng cao, góp phần hỗ trợ Ban giám đốc đưa ra các quyết định quản lý chính xác và hiệu quả hơn.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt hiện nay, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Việc tổ chức tốt công tác kế toán không chỉ giúp doanh nghiệp phản ánh chính xác tình hình hoạt động kinh doanh mà còn cung cấp thông tin kịp thời, hỗ trợ nhà quản lý đưa ra các quyết định phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Thông qua quá trình nghiên cứu đề tài: “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Quang Minh HD Miền Trung”, em đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, đồng thời tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty.

Qua quá trình nghiên cứu và thực tập thực tế, em nhận thấy công ty đã tổ chức công tác kế toán tương đối đầy đủ và phù hợp với quy mô hoạt động của doanh nghiệp. Hệ thống chứng từ, sổ sách và quy trình hạch toán được thực hiện khá chặt chẽ, đáp ứng được yêu cầu quản lý và cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty.

Bên cạnh những ưu điểm đạt được, công tác kế toán tại Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Quang Minh HD Miền Trung vẫn còn một số hạn chế nhất định như: Công ty chưa áp dụng nhiều chính sách ưu đãi để thu hút khách hàng; đồng thời tình trạng khách hàng thanh toán chậm vẫn còn xảy ra, ảnh hưởng đến khả năng thu hồi và quay vòng vốn của doanh nghiệp.

Từ những hạn chế trên, em đã đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý tài chính và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.

Do điều kiện thời gian cũng như trình độ còn hạn chế, khóa luận của em không thể không tránh khỏi những thiếu sót, khuyết điểm, em rất mong được sự chỉ bảo góp ý của các anh, chị cán bộ tại Công ty TNHH Đầu Tư và Xây Dựng Quang Minh HD Miền Trung cũng như các thầy, cô và giảng viên hướng dẫn để em có thể rút kinh nghiệm và hoàn thiện hơn trong những nghiên cứu tiếp theo cũng như trong quá trình làm việc thực tiễn sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hệ thống chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS)
2. Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 về chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.
3. Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.
4. Quốc hội (2025), Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15.
5. Nghị Định 320/2025/NĐ-CP
6. Các tài liệu tham khảo tại thư viện Trường Đại Học Kiến Trúc Đà Nẵng.
7. Các tài liệu tham khảo của Công Ty TNHH Đầu tư và Xây Dựng Quang Minh HD Miền Trung

Phụ lục

Phụ lục 1: Hợp đồng nguyên tắc

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 01 năm 2025

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

- Căn Cú bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản pháp luật liên quan;
- Căn Cú luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 và các văn bản pháp luật liên quan;
- Căn cứ vào các quy định hiện hành có liên quan của pháp luật Việt Nam;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của 2 bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2025 tại Công ty TNHH Đầu Tư và Xây Dựng Quang Minh HD Miền Trung chúng tôi gồm:

Bên A(Bên Bán): CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRUNG

- Mã số thuế: 0402036729
- Đại diện: Ông Nguyễn Văn Khánh Chức vụ: Giám đốc Công ty
- Địa chỉ: 140 Đường Đình Văn Cháp, P.Hoà Xuân, TP Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0905401389; Fax:
- Tài khoản: 040095180487 Tại ngân hàng: Sacombank - Đà Nẵng

Bên B(Bên Mua): CÔNG TY TNHH TỔNG HỢP TRỌNG TÂM

- Mã số thuế: : 3200736226
- Đại diện: Ông Nguyễn Văn Trọng Chức vụ: Giám Đốc
- Địa chỉ: Số 57 Lý Thường Kiệt, Phường Nam Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị
- Điện thoại: ;Fax:
- Tài khoản: 0944422888 Ngân hàng Sacombank

Sau khi bàn bạc, hai bên cùng đi đến thống nhất ký hợp đồng nguyên tắc với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung hợp đồng

- 1.Bên B đồng ý mua và bên A đồng ý bán cho bên B mặt hàng: Nhôm thanh định hình các loại.
2. Giá cả, quy cách hàng hoá.
- Giá cả, số lượng, màu sắc hàng hoá sẽ căn cứ vào từng đơn đặt hàng có sự thoả thuận của hai bên.

Scanned with
CamScanner

Điều 2: Điều kiện, thời gian giao hàng.

*** Giao hàng:**

+ Hai bên sẽ thống nhất phương thức giao hàng trên đơn hàng cụ thể vào từng thời điểm.

*** Thời gian giao hàng:**

+ Giao hàng ngay sau khi bên B xác nhận bằng văn bản hoặc (Bảng điện thoại, Fax mail).

+ Địa điểm giao hàng tại kho bên mua.

+ Tuỳ theo từng đơn hàng và thông báo của bên B.

*** Biên bản giao nhận:**

+ Các bên cùng nhau ký kết biên bản giao nhận hàng hoá sau khi xác nhận hàng hoá đảm bảo đúng quy cách trong điều 2 của Hợp đồng này.

+ Biên bản giao nhận hàng hoá, thư báo giá tại thời điểm đặt hàng và đơn đặt hàng kèm theo hợp đồng này là cơ sở để hai bên tiến hành đối chiếu công nợ.

Điều 3: Đặt hàng và cung cấp sản phẩm.

- Tuỳ theo nhu cầu kinh doanh của mình, bên B đặt mua hàng bằng đơn đặt hàng theo mẫu của bên A. Hình thức đặt hàng bằng cách Fax hoặc điện thoại cho bên A.

- Đơn đặt hàng chỉ có giá trị sau khi đã được bên A xác nhận bằng văn bản hoặc Fax.

- Sau khi nhận được Đơn đặt hàng thì bên A căn cứ vào khả năng cung ứng hàng hoá để xác nhận với bên B bằng phiếu xác nhận đơn hàng, đồng thời tiến hành giao hàng theo yêu cầu của bên B.

Điều 4: Phương thức thanh toán

- Thanh toán 100% giá trị tiền hàng cho bên A bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt.

- Giá: Hai bên thống nhất giá vào đơn đặt hàng của bên B tại thời điểm đặt hàng.

- Phí chuyển khoản bên B chịu.

Điều 5: Trách nhiệm của mỗi bên

*** Trách nhiệm của bên A:**

- Cung cấp hàng theo số lượng, đúng quy cách, chủng loại theo như điều 2 của Hợp đồng.

- Làm thủ tục hợp lệ khi giao hàng cho bên B.

- Chịu trách nhiệm về chất lượng kỹ thuật của sản phẩm.

- Cung cấp hoá đơn GTGT hợp lệ cho bên B.

*** Trách nhiệm của bên B:**

- Thông báo cho bên A khối lượng, chủng loại bằng đơn đặt hàng (có chữ ký, đóng dấu xác nhận của bên B).

- Kiểm tra và ký nhận số lượng hàng hoá bên A giao.

- Tuân thủ các hướng dẫn bảo quản sản phẩm, bảo đảm sản phẩm khi đến người tiêu dùng trong tình trạng tốt nhất.

373022
CÔNG T
TNHH
TỔNG H
RỘNG T
TH QUẢN

- Thanh toán tiền hàng cho bên A đầy đủ và đúng theo điều 4 của hợp đồng giá trị lô hàng kể từ khi hai bên cùng ký và xác nhận biên bản giao hàng.

Điều 6: Giải quyết tranh chấp hợp đồng.

Trong trường hợp cả hai xảy ra tranh chấp, hai bên có trách nhiệm giải quyết. Trường hợp không đạt được thoả thuận giữa các bên, vụ việc sẽ thống nhất đưa ra toà án kinh tế Đà Nẵng để giải quyết. Quyết định của toà án kinh tế là quyết định cuối cùng để hai bên thực hiện.

Điều 7: Điều khoản chung.

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng. Mọi sửa chữa hoặc thay đổi trong hợp đồng chỉ có giá trị pháp lý khi được cả hai bên thống nhất bằng văn bản và có chữ ký xác nhận đầy đủ của hai bên.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có gì vướng mắc hoặc phát sinh thì hai bên phải chủ động gặp gỡ, đề bàn bạc thống nhất giải quyết bằng văn bản.

- Không bên nào được coi là vi phạm hợp đồng khi không thực hiện được hoặc thực hiện chậm trễ nghĩa vụ của mình trong hợp đồng vì lý do bất khả kháng được hiểu là sự việc xảy ra ngoài tầm kiểm soát của hai bên(bao gồm chiến tranh, thiên tai động đất, hoả hoạn, bão lụt,...) và các thay đổi về pháp luật.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2025 sau 10 ngày nếu không có tranh chấp gì thì được coi là thanh lý hợp đồng được. Hợp đồng được lập thành 2 bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ một bản để theo dõi, thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Nguyễn Văn Trọng
Nguyễn Văn Trọng



Nguyễn Văn Trọng

Phụ lục 2: Sổ Chi tiết TK 156

Đơn vị: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRUNG
Địa chỉ: 140 đường Đinh Văn Cháp

Mẫu số: S19-DNN
Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC)
(ngày 26/8/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2025

Tài khoản 156 - Hàng hóa

CHỨNG TỪ		MÃ KH	DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
NGÀY	SỐ CT				NỢ	CÓ
			Tồn đầu kỳ		1,654,235,486	0
10/01	000001	DAIDUNG	Bán hàng: Nhôm thanh	632	0	4,129,791
22/01	000002	CUADEP	Bán hàng: Nhôm thanh	632	0	43,860,578
10/02	000001	QUYPHAT	Bán hàng: Nhôm thanh	632	0	98,263,437
.....						
26/02	000003	QUYPHAT	Bán hàng: Nhôm thanh	632	0	21,568,474
27/05	000002	HONGLE	Bán hàng: Nhôm thanh	632	0	14,912,686
.....						
28/05	000004	HONGLE	Bán hàng: Nhôm thanh	632	0	14,848,284
06/06	000002	DAIDUNG	Bán hàng: Nhôm thanh	632	0	29,694,779
.....						
13/06	000004	DAIDUNG	Bán hàng: Nhôm thanh	632	0	8,857,985
18/06	000005	TRUNGNGAN	Bán hàng: Nhôm thanh	632	0	17,301,828
25/06	000006	THUONGPHA	Bán hàng: Nhôm thanh	632	0	79,330,087
04/07	000001	THUONGPHA	Bán hàng: Nhôm thanh	632	0	38,107,315
07/07	000002	GOLD	Bán hàng: Nhôm thanh	632	0	4,302,424
.....						
10/07	000004	GOLD	Bán hàng: Nhôm thanh	632	0	4,302,424
24/07	000008	QUYPHAT	Bán hàng: Nhôm thanh	632	0	41,851,587
.....						
26/07	000010	HUNGPHAT	Bán hàng: Nhôm thanh	632	0	10,457,306
29/07	000011	TRONGNGHIA	Bán hàng: Nhôm thanh	632	0	8,990,367
04/09	000001	QUYPHAT	Bán hàng: Nhôm thanh	632	0	8,990,367
05/09	000002	TRONGTAM	Bán hàng: Nhôm thanh	632	0	4,992,065
09/09	000003	ANHHTUAN	Bán hàng: Nhôm thanh	632	0	365,948,476
16/10	000001	ANHHTUAN	Bán hàng	632	0	385,880,061
.....						
30/10	000005	QUANGMINH	Nhập hàng mua	331	612,304,000	0
06/11	000001	ANHHTUAN	Bán hàng: Nhôm thanh sơn tĩnh điện	632	0	486,180,261
.....						
02/12	000001	QUANGMINH	Nhập hàng mua	331	527,032,000	0
19/12	000004	QUANGMINH	Nhập hàng mua	331	610,280,000	0
.....						
31/12	000008	TRONGNGHIA	Bán hàng: Nhôm thanh sơn tĩnh điện	632	0	30,519,330
.....						
			Tổng cộng phát sinh		7,073,823,000	2,413,386,116
			Lũy kế từ tháng 1 đến tháng 12		7,073,823,000	2,413,386,116
			Số dư cuối kỳ		6,314,672,370	0

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Trần Thị Như Ngọc

TP Đà Nẵng, Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Nguyễn Văn Khánh

Phụ lục 3: Thông báo tiền thuế nợ

THÔNG BÁO

Tiền thuế nợ

Cơ quan thuế thông báo đến: Công Ty TNHH Đầu Tư Và Xây Dựng Quang Minh Hd Miền Trung

Mã số thuế: 0402036729

Địa chỉ nhận thông báo: Lô 37,38,39 đường Đinh Văn Cháp, Phường Hoà Xuân, Quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng

Căn cứ dữ liệu tại cơ quan thuế về tình hình kê khai và nộp thuế vào ngân sách nhà nước, Công Ty TNHH Đầu Tư Và Xây Dựng Quang Minh Hd Miền Trung chưa nộp đủ số tiền thuế nợ như sau:

1. Tổng số tiền thuế nợ chưa nộp NSNN là 45.500 đồng. Cụ thể như sau:

- Số tiền thuế và các khoản thu khác tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: đồng;

- Số tiền chậm nộp tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 45.500 đồng (trong đó Tiền chậm nộp tính trên các khoản nợ chưa thanh toán là: đồng).

Trong đó số tiền thuế nợ phát sinh trong tháng 12 năm 2024 là: đồng. Cụ thể như sau:

- Số tiền thuế và các khoản thu khác phát sinh từ ngày 01 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: đồng;

- Số tiền chậm nộp phát sinh từ ngày 01 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 0 đồng (trong đó Tiền chậm nộp tính trên các khoản nợ chưa thanh toán là: đồng);

2. Số tiền quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế nợ thuế là: 45.500 đồng.

Đề nghị người nộp thuế nộp ngay số tiền nêu tại điểm 1 vào ngân sách nhà nước.

Nếu có vướng mắc, người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế theo địa chỉ: 08 Nguyễn Nhân, Phường Hoà Thọ Đông, Cẩm Lệ, Đà Nẵng

Bộ phận liên hệ: Đội Quản lý nợ và Cưỡng chế nợ thuế

Số điện thoại: 0236.3674201./. "

Nơi nhận:

- CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUANG MINH HD MIỀN TRUNG;
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT,Đội Quản lý nợ và Cưỡng chế nợ thuế.

PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Công Dũng